

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 154 /2015/WSB

Cần Thơ, ngày 15 tháng 4 năm 2015

V/v công bố thông tin  
Báo cáo thường niên năm 2014

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây
2. Mã chứng khoán: WSB
3. Địa chỉ trụ sở: Khu Công nghiệp Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ
4. Điện thoại: 0710 3 843 333 Fax: 0710 3 843 222
5. Người thực hiện Công bố thông tin: Phạm Đình Hùng
6. Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây xin công bố Báo cáo thường niên năm 2014.

Địa chỉ đăng tải Nội dung Báo cáo thường niên năm 2014: [www.wsb-sabeco.com.vn](http://www.wsb-sabeco.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu HC;



**Phạm Đình Hùng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY**

**Western - Saigon Beer Joint Stock Company**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Trà Nóc, P. Trà Nóc Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ

Số điện thoại: 07103 843 333 - Fax: 07103 843 222

Website: [www.wsb-sabeco.com.vn](http://www.wsb-sabeco.com.vn)

Email: [wsb@vnn.vn](mailto:wsb@vnn.vn)

# 2014

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY





**Tôi**  
**BIA**  
**SAIGON**®



# MỤC LỤC



## **THÔNG TIN CHUNG**

Tổng quan Công ty  
Quá trình hình thành và phát triển  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Mô hình quản trị & Bộ máy quản lý  
Định hướng phát triển  
Các rủi ro



## **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

Tình hình hoạt động năm 2014  
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án  
Tình hình tài chính  
Tổ chức và nhân sự



## **BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC**

Đánh giá tình hình hoạt động năm  
Tình hình tài chính  
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý  
Kế hoạch phát triển trong năm  
Các giải pháp thực hiện để đạt được KHKD năm 2015



## **BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty  
Đánh giá các mặt hoạt động của Ban Giám đốc  
Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị



## **TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

Hội đồng Quản trị  
Ban Kiểm soát  
Ban Giám đốc  
Thay đổi trong HĐQT, BKS và BGĐ  
Tình hình nhân sự



## **QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Cổ phần, Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu  
Hoạt động của Hội đồng quản trị  
Hoạt động của Ban kiểm soát  
Giao dịch, lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát  
Thực hiện các quy định về quy chế quản trị Công ty



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014**

Báo cáo tài chính kiểm toán  
Thuyết minh báo cáo tài chính

# THÔNG TIN CHUNG



# TỔNG QUAN CÔNG TY

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
Tên tiếng Anh	WESTERN - SAI GON BEER JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	WESABECO
Logo	
Giấy chứng nhận ĐKKD số	57030000144 do Sở KH&ĐT TP Cần Thơ cấp ngày 13/04/2005, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16/09/2008
Vốn điều lệ	145.000.000.000 VNĐ (Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng)
Địa chỉ	Khu công nghiệp Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
Số điện thoại	0710 3 843 333
Số fax	0710 3 843 222
Website	<a href="http://www.wsb-sabeco.com.vn">www.wsb-sabeco.com.vn</a>
Email	<a href="mailto:wsb@vn.vn">wsb@vn.vn</a>
Mã cổ phiếu	WSB

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

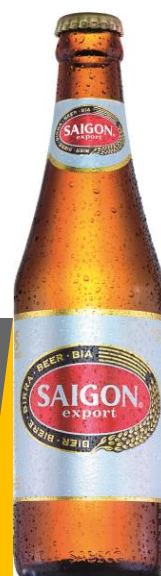
### 2002



### 2005



### 2006



Tiền thân là Nhà Máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ, là Nhà máy trực thuộc Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn, thành lập năm 2000 và Nhà Máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng cũng là Nhà máy trực thuộc Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn, thành lập năm 1995.

– Chuyển đổi mô hình hoạt động của Nhà Máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ thành Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ, theo giấy đăng ký kinh doanh số 5703000144 do Sở Kế Hoạch & Đầu Tư TP Cần Thơ cấp ngày 13/04/2005, có vốn điều lệ là 90.000.000.000 đồng, trong đó Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn chiếm 51% vốn điều lệ.

– Chuyển đổi mô hình hoạt động của Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng thành Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sóc Trăng, theo giấy đăng ký kinh doanh số: 5903000034 do Sở Kế Hoạch & Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/04/2005 có vốn điều lệ là 55.000.000.0000 đồng, trong đó Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn chiếm 51% vốn điều lệ.

Hợp nhất Công ty CP Bia Sài Gòn – Cần Thơ và Công ty CP Bia Sài Gòn – Sóc Trăng thành Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Tây theo giấy đăng ký kinh doanh cấp lần thứ 1 số 5703000144 do Sở Kế Hoạch & Đầu Tư TP Cần Thơ cấp ngày 06/06/2006 với vốn điều lệ là 145.000.000.000 đồng, mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần, trong đó Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn chiếm 51% vốn điều lệ.



# 2007



# 2010



# 2014



Tháng 2 năm 2007, góp vốn thành lập Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu. CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây chiếm 20% vốn điều lệ và trở thành Công ty liên kết với đơn vị này.

Tháng 6 năm 2007, chính thức trở thành Công ty đại chúng (29/06/2007)

Cổ phiếu của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây chính thức giao dịch trên sàn UPCOM với mã chứng khoán WSB vào ngày 10/08/2010.

Ngày 01/01/2014, Nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng 2 (thuộc Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng) chính thức đưa vào khai thác (sản xuất thương mại), với công suất thiết kế 50 triệu lít/năm, sản phẩm là Bia lon.



## 2014

- ✓ Huân chương lao động hạng ba cho tập thể Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng;
- ✓ Cờ thi đua “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2014” do Bộ Công thương trao tặng cho các tập thể: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây, Nhà máy bia Sài Gòn – Cần Thơ, Nhà máy bia Sài Gòn – Sóc Trăng, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng.

## 2013

- ✓ Huân chương lao động hạng ba cho tập thể CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây, NM bia Sài Gòn - Cần Thơ và Nhà máy bia Sài Gòn - Sóc Trăng;
- ✓ Cờ thi đua “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2013” do Bộ Công thương trao tặng cho 03 tập thể: CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây, NM bia Sài Gòn - Cần Thơ & NM bia Sài Gòn - Sóc Trăng đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ công tác khác trong năm 2013;
- ✓ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương cho 03 tập thể đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2013 bao gồm: CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây, NM bia Sài Gòn - Cần Thơ & NM bia Sài Gòn - Sóc Trăng;
- ✓ Bằng khen chủ Chủ tịch UBND TP Cần Thơ tặng cho CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2013.

### Ngành nghề hoạt động

- » Sản xuất kinh doanh các loại bia, rượu, cồn và nước giải khát;
- » Kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát và xuất khẩu;
- » Kinh doanh địa ốc, kinh doanh nhà hàng, văn phòng, nhà kho bãi;
- » Chế biến, kinh doanh thức ăn gia súc. Nuôi trồng thủy hải sản;
- » Kinh doanh vật tư nguyên liệu, phụ tùng chuyên ngành sản xuất bia, nước giải khát;
- » Vận tải hàng hóa đường bộ.

### Các sản phẩm chính



## Địa bàn hoạt động

Các tỉnh Phía nam Sông Hậu như: Cần Thơ, Sóc Trăng, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang

### Trụ sở chính

KCN Trà Nóc, Q. Bình Thủy TP. Cần Thơ

### NM Bia Sài Gòn – Cần Thơ

Khu Công Nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ



### NM Bia Sài Gòn – Sóc Trăng

Địa chỉ: 483 Quốc lộ 1A, P2, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.



### Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng

Lô S, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

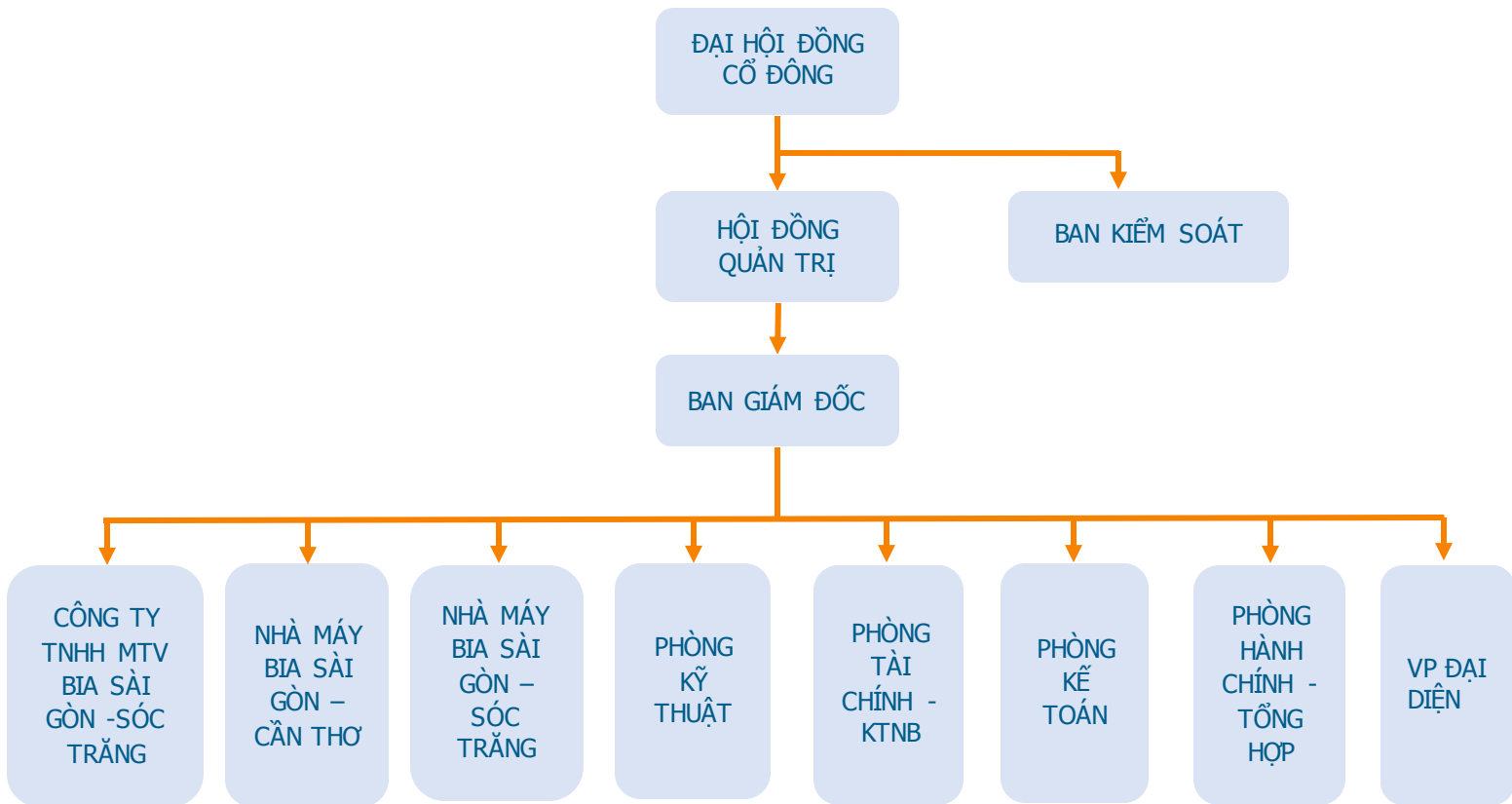


### Văn phòng đại diện tại TPHCM

Địa chỉ: LL1G1 Ba Vi, P15, Q10, TP.HCM



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ & BỘ MÁY QUẢN LÝ



## Ghi chú

- » Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng là đơn vị có tài khoản riêng, hạch toán độc lập
- » Nhà máy bia Sài Gòn – Sóc Trăng có tài khoản riêng, hạch toán phụ thuộc
- » Nhà máy bia Sài Gòn – Cần Thơ hoạt động theo điều lệ của Công ty
- » Các phòng chức năng của Công ty kiêm nhiệm các phòng chức năng của Nhà máy bia Sài Gòn – Cần Thơ

## Công ty con, công ty liên kết

### Công ty con

Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng

Địa chỉ: Lô S, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Lĩnh vực sản xuất chính: sản xuất bia, rượu, cồn...

Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ góp vốn: 100% vốn công ty mẹ

### Công ty liên kết

Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

Địa chỉ: Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Lĩnh vực sản xuất chính: sản xuất bia, rượu, cồn...

Vốn điều lệ: 80.080.000.000 đồng.

Tỷ lệ góp vốn: 20%

## Mục tiêu chủ yếu

### ❖ Về công tác thị trường

Một thách thức được đặt ra trong quá trình hội nhập ngày nay, khẳng định thương hiệu và tăng trưởng thị phần là mục tiêu mà Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây cùng Tổng Công ty đặt lên hàng đầu. Vì vậy, Chúng tôi đã luôn củng cố và hoàn thiện các chiến lược kinh doanh, đồng thời không ngừng tìm hiểu và khảo sát thị trường để nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm, thay đổi mẫu mã phù hợp để nâng tầm sản phẩm, phát huy và giữ vững thế mạnh thị trường vốn có, đẩy mạnh việc phát triển thương hiệu sản phẩm của Tổng Công ty. Trong năm 2015, Công ty đặt mục tiêu sẽ góp phần cùng Tổng Công ty tiếp tục phấn đấu tăng thị phần bia Sài Gòn trong nước và hướng tới xuất khẩu sang thị trường các nước trong khu vực.

### ❖ Về sản xuất

Trên cơ sở các trang thiết bị được Công ty đầu tư mới, hiện đại trong năm 2014 tại 02 nhà máy Cần Thơ và Sóc Trăng, Công ty phấn đấu khai thác tối ưu nguồn lực hiện có, cam kết cung cấp cho thị trường các sản phẩm mang thương hiệu Bia Sài Gòn với chất lượng tốt nhất.

Thực hiện triệt để tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, an toàn sản xuất gắn với bảo vệ môi trường; duy trì thực hiện hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2008; 22000:2005 và 14001:2004.

### ❖ Về đào tạo nguồn nhân lực

Phát huy nội lực, kiện toàn bộ máy tổ chức, xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa giỏi về chuyên môn, năng động, nhiệt huyết để cùng với Công ty tạo ra những bước đột phá mới trong tương lai.

Quan tâm chăm lo sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên, tạo điều kiện làm việc, học tập tốt nhất, đảm bảo ổn định đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.



## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Bảo đảm sự phát triển bền vững và ổn định cho công ty bằng việc cùng với Tổng Công ty quảng bá thương hiệu, nâng cao chất lượng sản phẩm, đầu tư phát triển sản phẩm mới, phong phú cung cấp cho mọi đối tượng tiêu dùng từ bình dân cho đến đẳng cấp, mở rộng thị phần tiêu thụ.

## Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

### Đối với môi trường

- » Với hệ thống xử lý nước thải được đầu tư hoàn thiện và công nghệ được cải tiến, phong cách thiết kế Nhà máy luôn hướng tới môi trường sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng, thể hiện trách nhiệm của Công ty trong việc bảo vệ môi trường.
- » Duy trì và phát huy việc sử dụng nguồn nguyên nhiên liệu tự nhiên (như sử dụng hơi đốt bằng trấu) thay cho dầu FO nhằm tiết kiệm chi phí và hạn chế chất thải có hại ra môi trường
- » Không sử dụng các thiết bị làm lạnh sử dụng CFC làm ảnh hưởng tới tầng ozon.
- » Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về công tác kiểm tra, giám sát môi trường thường xuyên và định kỳ để kịp thời có các biện pháp phòng ngừa hữu hiệu.







### **ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI**

Song song với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn đóng vai trò tích cực trong các hoạt động xã hội, cùng với Tổng Công ty xây dựng thông điệp “ Bia Sài Gòn chung tay với cộng đồng”. Công ty hy vọng rằng, với những nỗ lực vì cộng đồng trong những năm qua như phụng dưỡng mẹ Việt Nam Anh Hùng, xây nhà tình thương cho những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đóng góp kinh phí chi chương trình “Chung sức bảo vệ biển đảo”... và sẽ còn tiếp tục thực hiện cho những năm tiếp theo với những việc làm thiết thực, góp phần cùng xã hội xây dựng một nước Việt Nam phát triển bền vững.

## Rủi ro kinh tế

Trong bối cảnh tình hình kinh tế trong nước chưa có đột phá, thu nhập của người dân cũng chưa được cải thiện nhiều, thì việc thắt chặt trong chi tiêu đối với đồ uống không phải là thiết yếu như Bia, rượu khả năng sẽ bị ảnh hưởng lớn về sản lượng tiêu thụ. Khi thu nhập tăng, việc chi tiêu cho các loại đồ uống đặc biệt này sẽ nhiều hơn, thị hiếu lựa chọn cũng trở nên đa dạng hơn.

## Rủi ro cạnh tranh

Với việc hội nhập nền kinh tế thế giới một cách mạnh mẽ, người dân có nhiều cơ hội hơn tiếp xúc với các thương hiệu nổi tiếng cùng chủng loại, vì vậy Công ty sẽ gặp phải việc cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp kinh doanh cùng ngành của nước ngoài cũng như các doanh nghiệp nội địa, do đó những sản phẩm trong nước nếu không bắt kịp xu hướng chất lượng tốt, mẫu mã đẹp sẽ có nguy cơ giảm sút thị phần.

## Rủi ro tỷ giá

Nguồn nguyên liệu để sản xuất sản phẩm của Công ty từ nhập khẩu chiếm tỷ lệ 60 – 70% do đó biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng mạnh đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Diễn hình như nếu tăng giá nhập khẩu malt, hoa houblon... dùng để sản xuất bia sẽ dẫn đến chi phí sản xuất tăng, ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của công ty.

Trong năm 2014, tỷ giá tiếp tục được giữ ổn định. Nhà nước đã tiếp tục điều hành tỷ giá một cách linh hoạt, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, kiểm soát tỷ giá biến động từ 1 - 2% như các cam kết của NHNN đã đưa ra. Điều này giúp Công ty hạn chế được rủi ro về tỷ giá. Tuy nhiên, không vì vậy mà Công ty lơ là trong việc kiểm soát rủi ro này và luôn theo dõi sát sao diễn biến của tỷ giá.

## Rủi ro lãi suất

Nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng 2 được xây dựng hoàn thành và đưa vào khai thác từ đầu năm 2014, với vốn vay ngân hàng đến 31/12/2014 là 228,5 tỷ đồng và tại thời điểm hiện tại (31/3/2015) là 190 tỷ đồng. Đồng thời, dự án đầu tư đồng bộ Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ đạt công suất 50 triệu lít/năm, trong đó phần vốn được tài trợ từ ngân hàng đến cuối năm 2014 là 136,8 tỷ đồng.

Với tổng vốn vay trung và dài hạn là 326,8 tỷ đồng, nếu lãi suất biến động thì sẽ ảnh hưởng lớn đến chi phí tài chính trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

## Rủi ro khác

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì có thể tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

## Các giải pháp hạn chế rủi ro

- » Không ngừng quan sát, tìm hiểu thị trường tại khu vực, nắm bắt thị hiếu của người tiêu dùng. Thực hiện các khảo sát và lắng nghe các ý kiến khách hàng uống bia, để có những kiến nghị điều chỉnh cho phù hợp, hướng dẫn nhà phân phối, các điểm bán thực hiện tốt khâu bảo quản nhằm giữ ổn định chất lượng sản
- » Phát triển các chiến dịch quảng bá thương hiệu theo định hướng của Tổng Công ty, giúp người tiêu dùng dễ dàng nhận biết thương hiệu Bia Sài Gòn.
- » Đề ra các phương án dự phòng cho các trường hợp tỷ giá biến động nhằm hạn chế những ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty.
- » Điều hành dòng tiền hợp lý, tập trung tối đa dòng tiền có được sau khi đảm bảo công tác sản xuất của các nhà máy ổn định để trả nợ vay ngân hàng, giảm bớt áp lực lãi suất
- » Nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động để ngăn chặn tình trạng cháy nổ hay tai nạn lao động ...
- » Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn gắn liền với công tác bảo vệ môi trường và thân thiện với thiên nhiên, giảm tối thiểu tác hại từ hoạt động sản xuất đến môi trường sống chung quanh.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM





# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2014		Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ TH 2014/ 2013	Tỷ lệ TH/KHĐC 2014
				Ban đầu	Điều chỉnh			
1.	<b>SL bia SX và tiêu thụ</b>	lít						
	<b>Sản lượng bia sản xuất</b>	lít	<b>52.165.117</b>	<b>95.000.000</b>	<b>85.000.000</b>	<b>89.233.605</b>	<b>171,06%</b>	<b>104,98%</b>
	Bia chai 450 ml	lít	3.692.970	3.000.000	3.000.000	5.416.560	146,67%	180,55%
	Bia chai 355 ml	lít	48.449.464	47.000.000	47.000.000	47.048.675	97,11%	100,10%
	Bia lon 333	lít		45.000.000	35.000.000	36.028.238	-	102,94%
	Bia chai lager 355ml	lít	2.683	-	-	720.181	26.842,38%	-
	Bia khác	lít	20.000	-	-	19.950	99,75%	-
	<b>Sản lượng bia tiêu thụ</b>	lít	<b>51.494.003</b>	<b>95.000.000</b>	<b>85.000.000</b>	<b>89.067.225</b>	<b>172,97%</b>	<b>104,78%</b>
	Bia chai 450 ml	lít	3.617.235	3.000.000	3.000.000	5.460.570	150,96%	182,02%
	Bia chai 355 ml	lít	47.854.085	47.000.000	47.000.000	46.970.370	98,15%	99,94%
	Bia lon 333	lít		45.000.000	35.000.000	35.931.257	-	102,66%
	Bia chai lager 355ml	lít	2.683	-	-	685.079	25.534,07%	-
	Bia khác	lít	20.000	-	-	19.950	99,75%	-
2	<b>Giá trị sản xuất công nghiệp</b>	đồng	<b>582.126.860.990</b>	<b>1.377.818.139.138</b>	<b>1.191.353.492.673</b>	<b>1.246.598.585.170</b>	<b>214,15%</b>	<b>104,64%</b>
	<b>Tổng Doanh thu</b>	đồng	<b>570.711.608.297</b>	<b>1.398.429.751.678</b>	<b>1.211.965.105.213</b>	<b>1.265.921.045.794</b>	<b>221,81%</b>	<b>104,45%</b>
3	<b>Doanh thu công nghiệp</b>	đồng	<b>552.751.832.190</b>	<b>1.377.818.139.138</b>	<b>1.191.353.492.673</b>	<b>1.246.598.585.170</b>	<b>225,53%</b>	<b>104,64%</b>
	<b>Doanh thu khác</b>	đồng	<b>17.959.776.107</b>	<b>20.611.612.541</b>	<b>20.611.612.540</b>	<b>19.322.460.624</b>	<b>107,59%</b>	<b>93,75%</b>
	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	đồng	<b>67.605.256.558</b>	<b>63.100.547.200</b>	<b>63.064.646.200</b>	<b>105.285.780.669</b>	<b>155,74%</b>	<b>166,85%</b>
4	<b>- Lợi nhuận sản xuất chính</b>	đồng	<b>44.240.980.146</b>	<b>63.675.463.106</b>	<b>63.675.463.106</b>	<b>101.732.171.734</b>	<b>229,95%</b>	<b>159,77%</b>
5	<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	đồng	<b>9.027.962.848</b>	<b>7.642.258.831</b>	<b>7.642.258.831</b>	<b>8.286.536.069</b>	<b>91,79%</b>	<b>108,43%</b>
6	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	đồng	<b>58.577.293.710</b>	<b>55.458.288.370</b>	<b>55.458.288.370</b>	<b>96.999.244.600</b>	<b>165,59%</b>	<b>174,90%</b>
7	<b>Tỷ suất LNST/VĐL</b>	%	<b>40,40</b>	<b>38,25</b>	<b>38,25</b>	<b>66,90</b>	<b>165,59%</b>	<b>174,90%</b>
8	<b>Các khoản nộp Ngân sách</b>	đồng	<b>289.604.891.060</b>	<b>464.164.968.310</b>	<b>464.164.968.310</b>	<b>442.828.340.647</b>	<b>152,91%</b>	<b>95,40%</b>
9	<b>Lao động bình quân</b>	%	<b>258</b>	<b>301</b>	<b>301</b>	<b>297</b>	<b>115,12%</b>	<b>98,67%</b>
10	<b>Tiền lương bình quân</b>		<b>8.692.386</b>	<b>8.500.000</b>	<b>8.500.000</b>	<b>10.511.597</b>	<b>120,93%</b>	<b>123,66%</b>

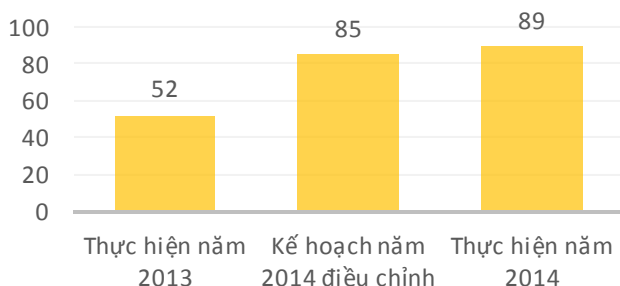
## Tổng doanh thu

**1.266** tỷ đồng

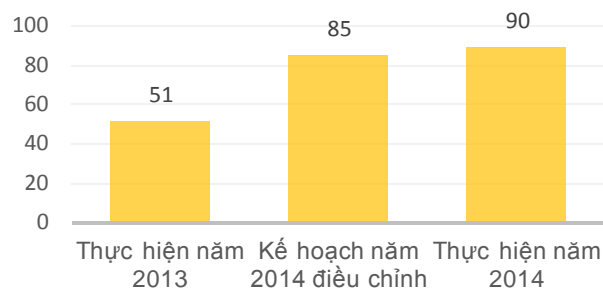
tăng 121,81% so với năm 2013

Với tình hình tiêu thụ của thị trường tại khu vực 06 tháng đầu năm 2014, đặc biệt là tình hình tiêu thụ bia lon 333 rất khó khăn. Với sự ủy quyền của Cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 (ngày 24/4/2014), Hội đồng quản trị đã có nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐQT về điều chỉnh kế hoạch giảm 10.000.000 lít bia lon 333 và giảm doanh thu tương ứng, các chỉ tiêu khác vẫn giữ nguyên.

Sản lượng sản xuất



Sản lượng tiêu thụ

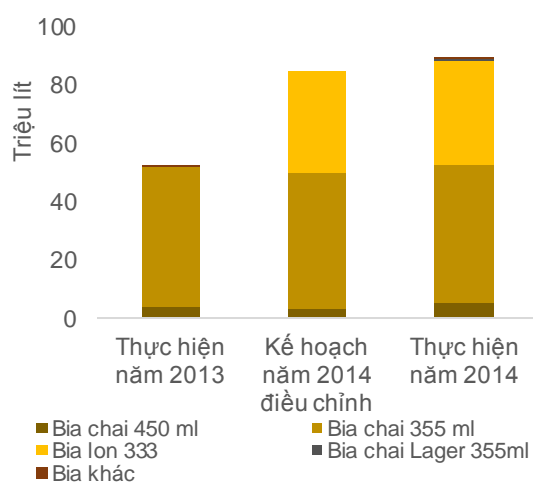


Năm 2014, sản xuất và tiêu thụ các loại bia đều xấp xỉ hoặc vượt mức kế hoạch đề ra. Tổng sản lượng sản xuất đạt 89,2 triệu lít, vượt gần 5% so với kế hoạch và tăng trưởng đến 71,1% so với cùng kỳ năm trước. Tiêu thụ bia đạt 89,5 triệu lít, vượt 5,3% kế hoạch và tăng trưởng tương ứng 73,8% so với năm 2013. Đặc biệt, việc tiêu thụ bia lon 333 ghi nhận những kết quả rất tích cực trong năm đầu tiên sản xuất đại trà, tạo động lực tăng trưởng mạnh mẽ cho công ty năm 2014. Trong khi đó, tiêu thụ bia chai 355 ml vẫn đạt được mức cao xấp xỉ năm 2013. Điều này cho thấy những dòng sản phẩm chính của công ty đã và đang được thị trường và người tiêu dùng trong khu vực đánh giá rất cao.

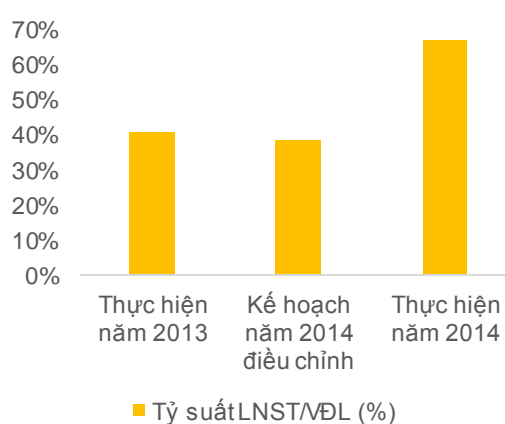
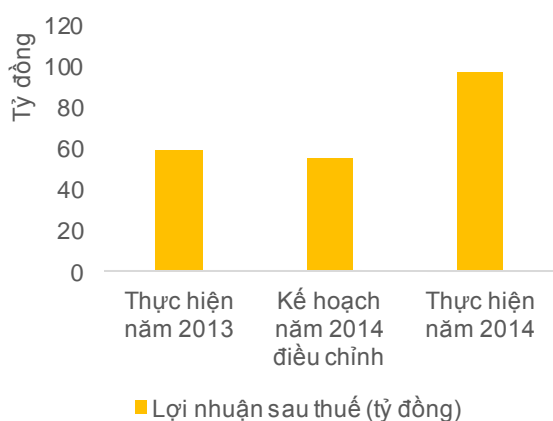
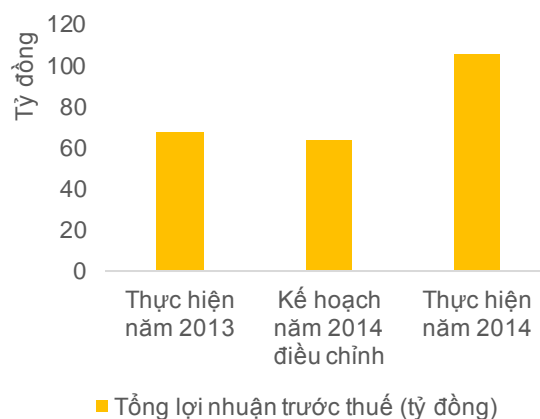
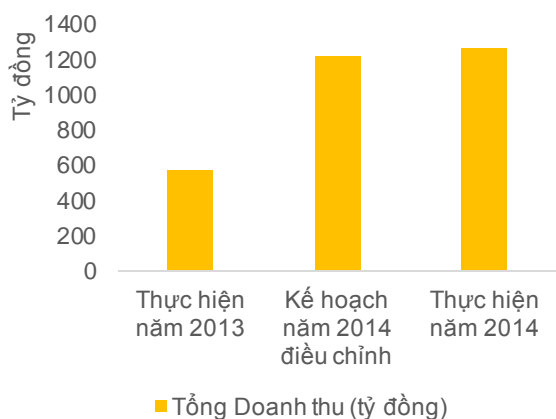
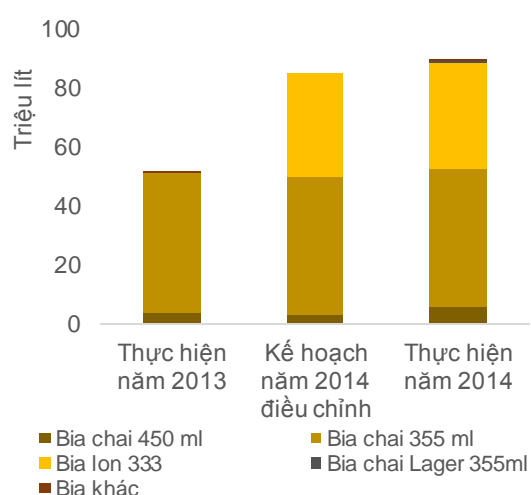
Nhờ đó, tổng doanh thu đạt 1.266 tỷ đồng (+121,81% năm 2013; 104,5% KH), lợi nhuận sau thuế đạt 97 tỷ đồng (+65.6% năm 2013; 174,9% KH). Ngoài ra, Công ty còn đóng góp 442 tỷ đồng cho ngân sách nhà nước, cải thiện mức tiền lương bình quân hằng năm của CBCNV Công ty từ 8,7 triệu lên đến 10,5 triệu đồng (+20% năm 2013).



Sản lượng sản xuất



Sản lượng tiêu thụ



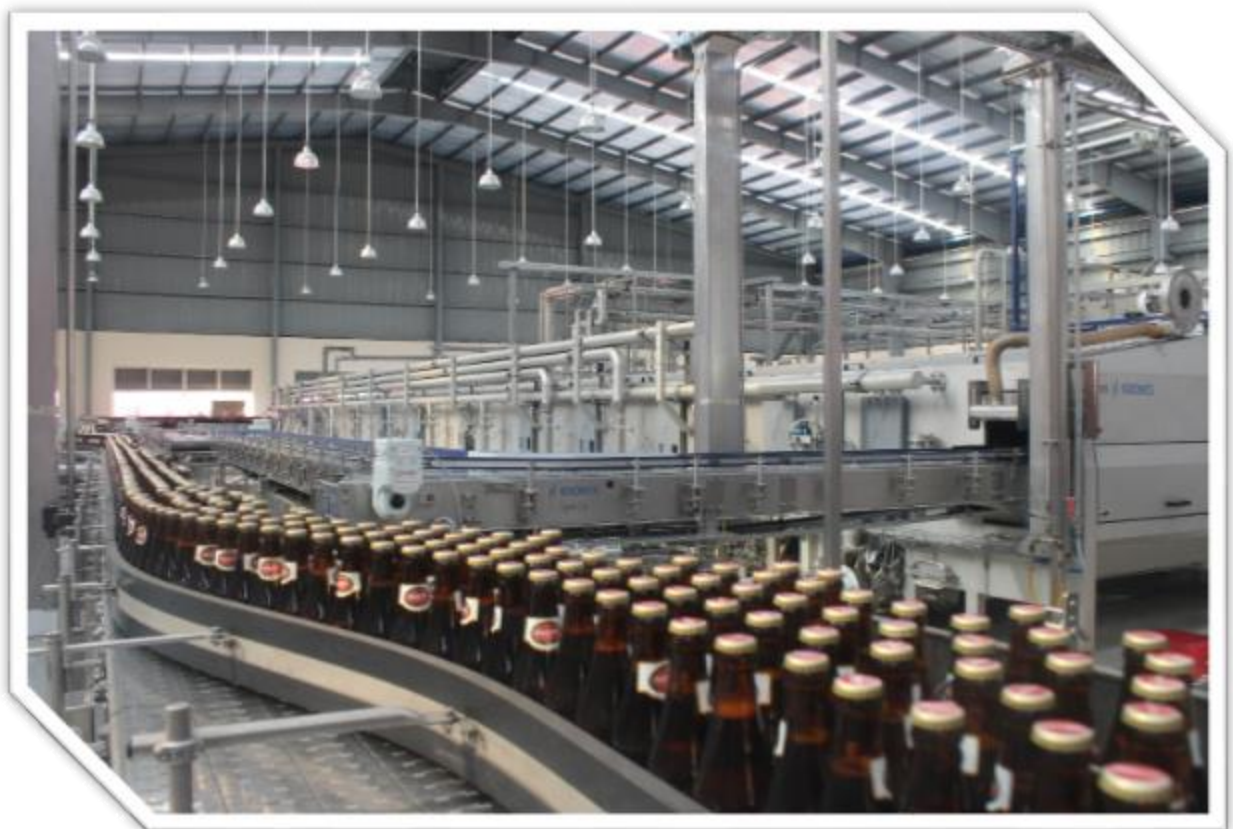


## Những thay đổi trong chiến lược kinh doanh, thị trường và sản phẩm mới

Với tình hình hiện nay, Công ty tập trung vào công tác sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết giảm chi phí, mang lại lợi nhuận tối ưu.

Thị trường tiêu thụ chủ yếu của Công ty là các tỉnh khu vực phía nam Sông Hậu bao gồm An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng. Đây là thị trường rộng lớn giàu tiềm năng, có văn hóa bia rượu rõ nét và phù hợp với phân khúc phổ thông. Do đó, trong năm 2014, theo chủ trương của Tổng Công ty, Công ty đã sản xuất thêm sản phẩm Bia chai Lager dung tích 355ml để tăng sự lựa chọn cho người tiêu dùng.

Cũng theo chủ trương chung của Tổng Công ty, năm 2014, Công ty cũng đã thay áo mới cho các dòng sản phẩm Bia chai Export và Bia chai Lager, thay đổi mẫu mã thùng bia lon 333 và đã được người tiêu dùng đón nhận tích cực.



## Các khoản đầu tư dự án

**Dự án Đầu tư Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng mới thuộc Công ty TNHH bia Sài Gòn - Sóc Trăng tại Lô S, KCN An Nghiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng**

Quy mô: Xây dựng nhà máy hiện đại, công nghệ hiện đại, chất lượng ổn định, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong khu vực

Công suất nhà máy: 50 triệu lít/ năm

Tổng mức đầu tư dự án: 649,82 tỷ đồng.

Tổng giá trị ước thực hiện: 460 tỷ đồng

Tổng giá trị giải ngân đến 31/12/2014: 448,08 tỷ đồng. Trong đó:

- » Vốn tự có: 184,89 tỷ đồng
- » Vốn vay: 263,19 tỷ đồng (đến 31/12/2014 đã trả 34,69 tỷ, còn nợ là 228,50 tỷ đồng)
- » Thời hạn vay: 7,5 năm, Lãi suất vay: 10%/năm cho năm thứ I, từ năm thứ II trở đi bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng (trả lãi sau) cộng biên độ 2%, Lãi suất vay áp dụng (cuối năm 2014) là 7,68%/năm

Nhà máy đã đi vào hoạt động và sản xuất thương mại từ ngày 01/01/2014 Năm qua, lợi nhuận nhà máy đạt được là 47,13 tỷ đồng.

Năm 2015, lắp đặt thêm dây chuyền chiết chai công suất 9.000 chai/giờ (được điều chuyển từ Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ) để đa dạng hóa sản phẩm, theo kế hoạch sẽ sản xuất Bia chai Sài Gòn 450ml

**Dự án đầu tư đồng bộ Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ đạt công suất 50 triệu lít/năm.**

Quy mô: Đầu tư đồng bộ thiết bị để trở thành nhà máy bia với thiết bị hiện đại, cung cấp sản phẩm có chất lượng ổn định, an toàn thực phẩm. Giảm chi phí, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong khu vực

Loại, cấp công trình: dự án thuộc nhóm B, công trình công nghiệp cấp II.

Công suất nhà máy: 50 triệu lít/năm

Tổng mức đầu tư dự án: 371,33 tỷ đồng.

Tổng giá trị giải ngân đến 31/12/2014: 270,61 tỷ đồng. Trong đó:

- » Vốn tự có: 133,75 tỷ đồng
- » Vốn vay: 136,86 tỷ đồng
- » Thời hạn vay: 05 năm, lãi suất vay: 7%/năm cho năm thứ I, từ năm thứ II trở đi bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng (trả lãi sau) cộng biên độ 2%

Dự án hoàn thành và bắt đầu khai thác sản xuất từ tháng 11/2014.

## Các khoản đầu tư tài chính

### Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

- Công ty con: Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng
  - Địa chỉ: Lô S, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
  - Lĩnh vực sản xuất chính: sản xuất bia, rượu, cồn...
  - Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng.
  - Tỷ lệ góp vốn của Công ty: 100% vốn điều lệ.
- Công ty liên kết: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu.
  - Tỷ lệ góp vốn của Công ty: 20% vốn điều lệ, tương ứng 1.601.600 cổ phiếu.

### Đầu tư tài chính dài hạn khác

Đầu tư cổ phiếu Công ty cổ phần Bia – NGK Sài Gòn – Tây Đô: 1.010.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ: 9,71% vốn điều lệ.

Đầu tư cổ phiếu Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn: 100.000 cổ phiếu

Đầu tư cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC: 145.060 cổ phiếu

**Tổng giá trị của khoản đầu tư tài chính dài hạn này là: 19,2 tỷ đồng**

*ĐVT: triệu đồng*

Khoản mục	CT TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	CTCP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu
<b>Tình hình tài chính</b>		
Tổng tài sản	615.568	344.586
Tài sản ngắn hạn	205.138	95.357
Tài sản dài hạn	410.430	249.229
Nợ phải trả	527.526	161.740
Vốn chủ sở hữu	88.042	182.847
<b>Hoạt động kinh doanh</b>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	685.400	557.948
Doanh thu tài chính	1.865	569
Lợi nhuận trước thuế	47.126	47.702

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	%TH 2014/2013
Doanh thu thuần	323.805	759.518	234.56%
Lợi nhuận từ HĐKD	56.483	95.269	168.67%
Lợi nhuận khác	953	3.759	394.44%
Lợi nhuận trước thuế	67.605	105.286	155.74%
Lợi nhuận sau thuế	58.577	96.999	165.59%
Lãi cơ bản / cổ phiếu (đồng/cp)	4.040	6.690	165.59%

Việc đưa vào vận hành nhà máy bia Sài Gòn – Sóc Trăng, đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ đã giúp công ty tăng trưởng doanh thu thuần hơn 2,3 lần so với năm 2013, đạt 759,5 tỷ đồng. Do trong năm giá vốn hàng bán, chi phí lãi vay và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng nhanh làm lợi nhuận từ HĐKD chỉ còn đạt mức tăng 168,7% so với cùng kỳ, tuy nhiên đây cũng là một kết quả rất tích cực. Cả năm 2014, lợi nhuận sau thuế đạt xấp xỉ 97 tỷ đồng (+165,6% năm trước), tương ứng với lãi cơ bản trên một cổ phiếu lên đến 6.690 đồng/cổ phiếu.

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,12	0,76
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,76	0,53
<b>Cơ cấu vốn</b>			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	57,17%	65,32%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	133,47%	188,37%
<b>Năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,77	6,82
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,47	0,73
<b>Khả năng sinh lời</b>			
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	18,09%	12,77%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	15,72%	23,26%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,73%	8,07%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	17,44%	12,54%

### **Khả năng thanh toán**

Cả hai hệ số thanh toán ngắn hạn lẫn thanh toán nhanh tại thời điểm cuối năm 2014 đều thấp hơn so với năm 2013, lần lượt đạt 0,76 lần và 0,53 lần. Nguyên nhân chính đến từ việc khoản thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp tăng 120,7% từ 95 tỷ lên 209,4 tỷ đồng. Tuy nhiên, nhìn chung Công ty vẫn đang đảm bảo tốt khả năng thanh toán những khoản phải trả đến hạn.

### **Về năng lực hoạt động**

Vòng quay hàng tồn kho cải thiện đáng kể từ mức 3,77 lần năm 2013 lên đến 6,82 lần năm 2014, một tín hiệu tích cực thể hiện tình hình tiêu thụ hàng hoá của công ty đang rất khả quan. Hệ số vòng quay tổng tài sản tăng lên 0,73 lần so với mức 0,47 lần cùng kỳ năm trước, đồng nghĩa với việc sử dụng tài sản của công ty vào các hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng hiệu quả.

### **Cơ cấu nguồn vốn**

Trong năm 2014, công ty có phát sinh khoản vay nhằm đầu tư nâng cấp nhà máy bia Sài Gòn – Cần Thơ từ 25 triệu lít lên 50 triệu lít/năm, khiến đòn bẩy nợ/tổng tài sản tăng từ 57,17% lên 65,32%. Khoản vay dài hạn này được ưu đãi lãi suất chỉ 7%/năm cho năm đầu tiên, đây là một điểm thuận lợi cho công ty bởi mức lãi suất này khá thấp so với mặt bằng chung thị trường hiện tại. Từ năm thứ II trở đi bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng (trả lãi sau) cộng biên độ 2%. Công ty tin tưởng rằng sức tiêu thụ tốt của thị trường đối với thương hiệu bia Sài Gòn sẽ đem lại hiệu quả hoạt động tốt cho nhà máy sau khi nâng cấp, qua đó đảm bảo khả năng chi trả của công ty đối với ngân hàng.

### **Về khả năng sinh lời**

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và biên lợi nhuận ròng có sự sụt giảm so với cùng kỳ năm trước do cơ cấu sản phẩm tiêu thụ có sự thay đổi (bia lon 333 được đưa vào sản xuất và tiêu thụ đại trà), nhưng ROA và ROE của công ty vẫn thể hiện sự cải thiện tốt. Điều này là do trong năm 2014, tỷ suất thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế thấp hơn năm 2013 do nhà máy bia Sài Gòn – Sóc Trăng 2 khi đi vào hoạt động chính thức được hưởng chính sách ưu đãi thuế, cộng với hiệu quả sử dụng tài sản của công ty ngày càng nâng cao hơn trước. Kết quả, ROA và ROE năm 2014 đạt lần lượt 8,07% và 23,26%.

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CỔ PHẦN

**BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY**

ISO 9001:2000 - ISO 22000:2005 - ISO 14001:2004

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY  
WSB**

**ISO 9001:2000**

Địa chỉ: Khu CN Trà Nóc - TP. Cần Thơ

Điện thoại: (071)843333 - Fax: (071)8

Email: [wsb@vnn.vn](mailto:wsb@vnn.vn)

## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

		TH 2013	KH 2014	TH 2014	Tỷ lệ %	
					TH 2014/2013	TH/KH (2014)
Tổng Doanh thu	triệu đồng	570.711	1.211.965	<b>1.265.921</b>	222,98%	104,45%
LN trước thuế	triệu đồng	67.605	63.101	<b>105.286</b>	155,74%	166,85%
LN sau thuế	triệu đồng	58.577	55.458	<b>96.999</b>	165,59%	174,90%

Chỉ tiêu	Đơn vị	2013	2014	2014/2013
Giá vốn hàng bán	triệu đồng	256.467	<b>622.804</b>	242,84%
Chi phí bán hàng	triệu đồng	3.910	<b>3.435</b>	87,85%
Chi phí tài chính	triệu đồng	(1.187)	<b>20.335</b>	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	triệu đồng	14.852	<b>22.080</b>	148,67%



Thị trường bia Việt Nam có quy mô hiện tại hơn 3,2 tỷ lít, lớn thứ ba khu vực Châu Á và thứ 12 trên toàn thế giới. Với một thị trường đầy hấp dẫn như thế, tính cạnh tranh tất yếu cũng đầy khốc liệt, không chỉ từ các nhà sản xuất nội địa với truyền thống lâu đời mà còn từ những thương hiệu bia hàng đầu thế giới vốn có lợi thế thương hiệu toàn cầu, tiềm lực mạnh và chiến lược khoa học.

Trong bối cảnh thị trường đầy tính cạnh tranh, với sức mạnh truyền thống của thương hiệu bia Sài Gòn cùng nỗ lực không ngừng nghỉ của toàn thể Ban lãnh đạo, cùng toàn thể cán bộ, nhân viên đã giúp Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch mà Đại hội cổ đông đã giao phó cho năm 2014.

Tổng doanh thu đạt 1.265 tỷ đồng, vượt 4,45% so với kế hoạch đã điều chỉnh. Đáng chú ý, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 105 tỷ và 97 tỷ, vượt 66,9% và 74,5% so với kế hoạch đề ra cho năm 2014.



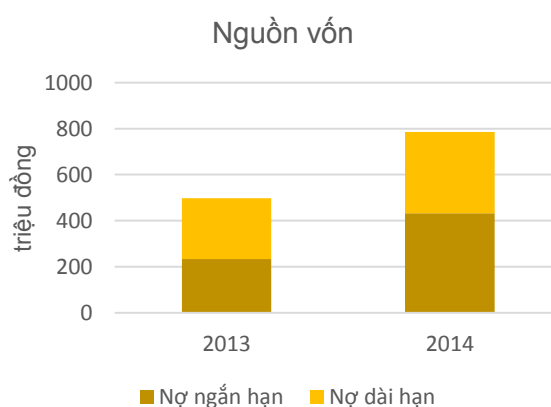
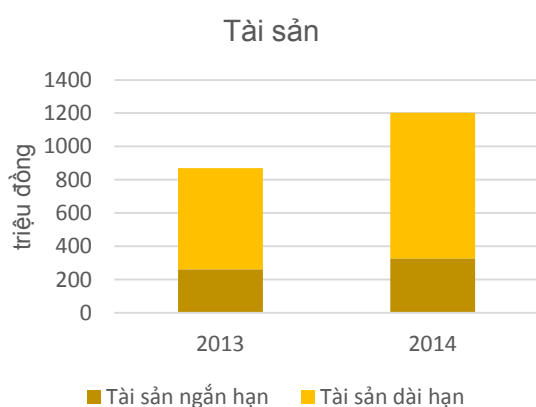
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng, giảm so với 2013
<b>Tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn	261.228	327.761	25,47%
Tài sản dài hạn	608.688	874.872	43,73%
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>869.916</b>	<b>1.202.633</b>	<b>38,25%</b>
<b>Nguồn vốn</b>			
Nợ ngắn hạn	234.043	432.966	84,99%
Nợ dài hạn	263.270	352.624	33,94%
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>372.603</b>	<b>417.043</b>	<b>11,93%</b>
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>869.916</b>	<b>1.202.633</b>	<b>38,25%</b>

Trong cơ cấu tài sản năm 2014, tài sản dài hạn chiếm ưu thế với 72,75% tổng tài sản. Điểm đáng chú ý trong năm là giá trị tài sản dài hạn của Công ty tăng 43,73% so với cùng kỳ. Nguyên nhân của sự gia tăng này là do tài sản cố định hữu hình của công ty tăng từ 84 tỷ đồng lên 512 tỷ đồng trong khi chi phí xây dựng cơ bản dở dang giảm từ 438 tỷ xuống còn 284 tỷ, tương ứng với việc đưa 02 dự án Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng và dự án đầu tư đồng bộ nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ đạt 50 triệu lít/năm sang tài sản cố định hữu hình đã làm tăng mạnh khoản mục tài sản dài hạn của Công ty.

Kể từ tháng 01/2015 tất cả các dự án đã đưa vào khai thác. Năm 2015 với 03 nhà máy hiện hữu, năng lực sản xuất của Công ty đã tăng lên 130 triệu lít trên năm.

Về phía nguồn vốn, trong năm 2014 đáng chú ý có thể thấy sự gia tăng đột biến gần 85% trong nợ ngắn hạn do phát sinh từ khoản thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp, tăng 120,72% so với cùng kỳ năm trước. Sự gia tăng này là điều tất yếu do tăng trưởng doanh thu mang lại. Nợ dài hạn tăng 34% do trong năm, công ty tiến hành kế hoạch đầu tư đồng bộ nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ.



# NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

## Công tác sản xuất

Quản lý chi phí sản xuất thông qua kiểm soát định mức kinh tế kỹ thuật thường xuyên, phân tích nguyên nhân tăng giảm hàng tháng, quý, năm nhằm phát hiện và khắc phục sớm sự không phù hợp do cả 02 nguyên nhân khách quan và chủ quan trong quá trình sản xuất tại từng nhà máy.

Áp dụng các cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm khai thác tốt năng lực thiết bị để tăng công suất, giảm tiêu hao nguyên vật liệu từ đó giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

Thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng thiết bị định kỳ đúng lịch, mua sắm phụ tùng thay thế kịp thời, hợp lý.

Hội đồng giá của Công ty đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cung cấp vật tư đầu vào với giá hợp lý nhất. Đây cũng là một trong những yếu tố quan trọng giúp giảm giá thành, nâng cao lợi nhuận

Duy trì tác phong công nghiệp của người lao động. Tăng cường các biện pháp an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm.

Chủ động điều tiết sản xuất theo nhu cầu thị trường nhằm tối đa hóa sản lượng sản xuất và tiêu thụ, tăng lợi nhuận và tối thiểu hàng tồn kho.



## Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Dự án đầu tư mới Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng công suất 50 triệu lít/năm: đã hoàn thiện và vận hành thử từ tháng 11/2013, chính thức đưa vào sản xuất thương mại từ 01/01/2014.

Dự án đầu tư đồng bộ Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ đạt công suất 50 triệu lít/năm: đã hoàn thiện và chạy vận hành vào tháng 11/2014. Chính thức đưa vào sản xuất thương mại từ 01/01/2015.

## Công tác giao hàng, quảng bá thương hiệu

Vận dụng tốt sự quan tâm giúp đỡ của các Sở, Ban, Ngành địa phương; sự quan tâm, chỉ đạo của Lãnh đạo Tổng Công ty; hỗ trợ tích cực từ phía Công ty TNHH MTV TM Bia Sài Gòn, Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Sông Hậu, Công ty CP giao nhận Vận tải Bia Sài Gòn.

Cử cán bộ trực tiếp phối hợp với Công ty thương mại Bia Sài Gòn khu vực, Công ty TNHH MTV TM Bia Sài Gòn để chủ động giao thành phẩm, điều tiết tốt hoạt động sản xuất và giao hàng.

Phối hợp chặt chẽ với Tổng Công ty, đơn vị thương mại trong các hoạt động quảng bá thương hiệu, sản phẩm tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long theo định hướng chung của Tổng Công ty.

Tiếp tục thực hiện trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng thông qua các chương trình an sinh xã hội tại địa phương, chung tay vì cộng đồng cùng Tổng công ty.

## Tổ chức quản lý, nhân lực:

Kiên toàn, tuyển chọn tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu SXKD thời kỳ hội nhập và phát triển.

Duy trì và thực hiện tốt Hệ thống Quản lý tích hợp đáp ứng 03 tiêu chuẩn ISO 9001:2008; ISO 22000:2005; ISO 14001:2004.

Hoàn thiện và nâng cao năng lực của bộ máy quản lý Công ty và các Nhà máy trên cơ sở tinh gọn hiệu quả



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2015

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Tỷ lệ % 2015/2014
	SL bia SX và tiêu thụ	lít			
1	Sản lượng bia sản xuất	lít	<b>89.233.605</b>	<b>95.000.000</b>	<b>106,46</b>
	Bia chai 450 ml	lít	5.416.560	20.000.000	369,24
	Bia chai 355 ml	lít	47.048.675	39.500.000	83,96
	Bia lon 333	lít	36.028.238	32.000.000	88,82
	Bia chai larger 335 ml	lít	720.181	3.500.000	485,99
	Sản lượng bia tiêu thụ	lít	89.067.225	95.000.000	106,66
	Bia chai 450 ml	lít	5.460.570	20.000.000	366,26
	Bia chai 355 ml	lít	46.970.370	39.500.000	84,10
	Bia lon 333	lít	35.931.257	32.000.000	89,06
	Bia chai larger 335 ml	lít	685.079	3.500.000	510,89
2	Giá trị sản xuất công nghiệp	Đồng	<b>1.246.598.585.170</b>	<b>1.239.839.479.300</b>	<b>99,45</b>
3	Tổng Doanh thu	Đồng	<b>1.265.921.045.794</b>	<b>1.260.669.169.742</b>	<b>99,59</b>
	Doanh thu công nghiệp	Đồng	1.246.598.585.170	1.239.839.479.300	99,45
	Doanh thu khác	Đồng	19.322.460.624	20.829.690.442	107,80
4	Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Đồng	<b>105.285.780.669</b>	<b>71.062.738.610</b>	<b>67,50</b>
	- Trong đó lợi nhuận sản xuất chính	Đồng	101.732.171.734	73.548.643.378	72,30
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	<b>96.999.244.600</b>	<b>65.662.089.161</b>	<b>67,69</b>
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	<b>66,90</b>	<b>45,28</b>	<b>67,69</b>

## GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

### Trong công tác sản xuất

- » Tiếp tục ban hành và kiểm soát định mức kinh tế kỹ thuật từng Nhà máy, đánh giá định kỳ, tìm hiểu nguyên nhân khách quan chủ quan, đưa ra hướng khắc phục kịp thời.
- » Với các trang thiết bị được đầu tư hiện đại, tự động hóa cao tại 02 Nhà máy Cần Thơ và Sóc Trăng 2, việc đào tạo nâng cao tay nghề, bổ sung kiến thức điều khiển tự động cho người lao động sẽ được triển khai quyết liệt trong năm 2015, đáp ứng theo yêu cầu công việc của mỗi vị trí.
- » Phát động phong trào thi đua sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm.
- » Tăng cường và kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm... cho ra thị trường những sản phẩm với chất lượng tốt nhất, an toàn nhất. Đó là sự thể hiện trách nhiệm của Công ty với người tiêu dùng.
- » Cung cấp đầy đủ kịp thời các vật tư nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất với chất lượng tốt, giá cả cạnh tranh và hợp lý nhất.
- » Điều phối sản xuất hợp lý nhất để tiết kiệm điện, nước, nhân công...
- » Duy trì công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn Công ty

### Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

- » Quyết toán xong 02 dự án (Nhà máy Cần Thơ và Nhà máy Sóc Trăng 2)
- » Đầu tư hoàn chỉnh các công trình phụ trợ (theo kế hoạch đầu tư) để mỗi Nhà máy sản xuất luôn gắn với môi trường xanh

## GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015 (TT)

### Công tác giao hàng, quảng bá sản phẩm

- » Cử cán bộ chuyên trách, phối hợp với Công ty thương mại, đơn vị vận tải tổ chức giao hàng kịp thời, đầy đủ theo thông báo lệnh hàng tuần. Đánh giá nguyên nhân giao hàng không đạt để có hướng khắc phục kịp thời.
- » Kết hợp với Nhà máy để điều tiết sản xuất theo nhu cầu của thị trường nhằm tối đa hóa sản lượng sản xuất và tiêu thụ, tối ưu hóa hàng tồn kho và tăng lợi nhuận.
- » Tiếp tục phối hợp với Tổng Công ty trong các hoạt động quảng bá thương hiệu sản phẩm tại khu vực.
- » Tiếp tục thực hiện trách nhiệm với xã hội và cộng đồng qua các chương trình an sinh xã hội tại địa phương, gắn với thông điệp “Bia Sài Gòn chung tay cùng cộng đồng”

### Công tác tổ chức, quản lý nguồn nhân lực

- » Xem xét cải tiến cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả
- » Tiếp tục đào tạo đội ngũ người lao động có tay nghề giỏi, chuyên môn sâu, đáp ứng sự phát triển bền vững của Công ty
- » Có những chính sách hợp lý để người lao động luôn gắn bó, cống hiến, thu hút được nhân tài.



## GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI Ý KIẾN LOẠI TRỪ CỦA KIỂM TOÁN

Trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 của Công ty có nêu nội dung về ý kiến loại trừ của Kiểm toán độc lập liên quan đến thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB). Vấn đề này Ban Giám đốc giải trình chi tiết như sau:

Theo thông báo số 119/TB-KTNN ngày 04/2/2015 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính và các hoạt động liên quan quản lý và sử dụng vốn nhà nước. Thì Công ty còn phải tính bổ sung 24,84 tỷ đồng tiền thuế TTĐB cho năm 2013, và tương tự là 50,12 tỷ đồng thuế TTĐB cho năm 2014. Nguyên nhân: do giá bán làm căn cứ tính thuế xác định theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế (theo quan điểm của KTNN) là chưa đúng theo luật Thuế TTĐB. Vấn đề này hiện nay còn đang tranh cãi, có truy thu hay không và ai chịu trách nhiệm khoản thuế tăng thêm này? Chưa có kết luận cuối cùng.

Ngoài ra, theo quan điểm truy thu bổ sung thì thuế TTĐB còn có thể tính thêm từ các năm 2010 - 2012



# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ







## ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2014 vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn của nền kinh tế. Với sự hỗ trợ từ Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn, thương hiệu uy tín với 140 năm lịch sử hình thành và phát triển; Sự quan tâm của các cấp ban ngành địa phương; công tác điều hành linh hoạt của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty cùng nỗ lực, đoàn kết của tập thể CBNCV, Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Vượt qua khó khăn về giao hàng và áp lực cạnh tranh ngày càng lớn của các sản phẩm khác, trong năm 2014 Sản lượng sản xuất của Công ty đã đạt 104,98% kế hoạch, sản lượng giao hàng 105,31% kế hoạch điều chỉnh. Lợi nhuận sau thuế tăng 74,9% so với kế hoạch năm. Đóng góp cho ngân sách nhà nước trên 469 tỷ đồng và là một trong những đơn vị nộp ngân sách lớn của địa phương. Song song đó, đời sống của người lao động cũng được cải thiện đáng kể với thu nhập ngày càng cao.

Cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ được đào tạo trong và ngoài nước, nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững cho Công ty trong tương lai.

Công tác quảng bá thương hiệu cũng được chú trọng hàng đầu thông qua việc tổ chức nhiều chương trình tri ân khách hàng trong năm 2014 tại khu vực Miền Tây, kết hợp với các sự kiện quan trọng của Công ty như Ngày hội Gia đình Bia Sài Gòn, Khánh thành Dự án Đầu tư mới Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng, Lễ đón nhận Huân chương lao động hạng ba và Tổng kết công tác SXKD năm 2014... Chính nhờ những hoạt động này đã góp phần cho thương hiệu **Bia Sài Gòn** càng đi sâu vào lòng người.



# ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm qua, công tác trọng tâm, nhiệm vụ trọng yếu đã được Ban Giám đốc triển khai thực hiện một cách đầy đủ, kịp thời. Hội đồng quản trị đánh giá cao tinh thần làm việc nghiêm túc, trách nhiệm, thể hiện vai trò tham mưu tốt cho Hội đồng quản trị, triển khai thực hiện đúng tinh thần của Nghị quyết Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Với tinh thần đó, Hội đồng Quản trị tin tưởng rằng Ban điều hành sẽ đưa Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây ngày một phát triển và vươn xa hơn.

## Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

- » Tập trung chỉ đạo, giám sát công tác triển khai thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2015. Điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp nhằm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu mà Đại hội cổ đông thường niên đề ra.
- » Xem xét, phê duyệt bổ sung, sửa đổi các quy chế, quy định quản lý. Đảm bảo phù hợp với pháp luật hiện hành và kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty.
- » Xem xét lại cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- » Chỉ đạo thực hiện công tác quyết toán các dự án đầu tư phải hoàn thành trong năm 2015
- » Chú trọng quản lý chất lượng sản phẩm, tuân thủ quy trình công nghệ đáp ứng theo yêu cầu của Tổng Công ty trong từng thời kỳ.
- » Phối hợp với hệ thống thương mại Bia Sài Gòn của Tổng Công ty thực hiện công tác quảng bá sản phẩm sâu rộng đến các nhà phân phối, người tiêu dùng tại thị trường khu vực Miền Tây.
- » Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, quản lý nguồn nhân lực, duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ





SABECO



YÊU CẦU  
XƯƠNG XE DẪN BỘ  
KHÍ RA VÀO CỐNG

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Cơ cấu Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
3	Ông Trần Công Tước	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên HĐQT
5	Ông Đỗ Văn Vẻ	Thành viên HĐQT

## Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng Quản trị

### Bà PHẠM THỊ HỒNG HẠNH Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Năm sinh	1960
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, Kỹ sư điện tự động
Chức vụ tại tổ chức khác	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu; - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn - Vĩnh Long; - Chủ tịch HĐQT Công ty Liên danh TNHH Crown Sài Gòn.
Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	0,3 % (43.250 CP)

### Ông PHẠM ĐÌNH HÙNG Thành viên HĐQT

Năm sinh	1956
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng; - Thành viên HĐQT Công ty CP Bia – NGK Sài Gòn – Tây Đô; - Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	0,0% (0 cổ phần)

**Ông TRẦN CÔNG TƯỚC**      **Thành viên HĐQT**

<i>Năm sinh</i>	1955
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Kỹ sư – Master of Science – Brewmaster
<i>Chức vụ tại tổ chức khác</i>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco;</li><li>- Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng;</li><li>- Thành viên HĐQT Công Liên danh TNHH Crown Sài Gòn.</li></ul>
<i>Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết</i>	0,0% (0 cổ phần)

**Ông NGUYỄN VĂN ĐÔI**      **Thành viên HĐQT**

<i>Năm sinh</i>	1960
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Thạc sỹ kinh tế
<i>Chức vụ tại tổ chức khác</i>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn - Vĩnh Long;</li><li>- Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng</li></ul>
<i>Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết</i>	4,39% (637.300 cổ phần)

**Ông ĐỖ VĂN VẼ**      **Thành viên HĐQT**

<i>Năm sinh</i>	1962
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
<i>Chức vụ tại tổ chức khác</i>	Đại biểu quốc hội Tỉnh Thái Bình
<i>Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết</i>	0,52% (75.000 cổ phần)

## Cơ cấu Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đồng Việt Trung	Trưởng BKS
2	Lê Xuân Khởi	Thành viên BKS
3	Nguyễn Văn Doanh	Thành viên BKS

## Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

### Ông ĐỒNG VIỆT TRUNG

#### Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh	1957
Trình độ chuyên môn	Cử nhân quản trị kinh doanh, cử nhân kinh tế
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết	0,00% (0 cổ phần)

### Ông LÊ XUÂN KHỞI

#### Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1970
Trình độ chuyên môn	Trung cấp cơ khí
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết	0,04% (5.180 cổ phần)

### Ông NGUYỄN VĂN DOANH

#### Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1981
Trình độ chuyên môn	Cử nhân
Chức vụ hiện tại	Thành viên Ban Kiểm soát.
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết	0,00% (0 cổ phần)



## Cơ cấu Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Đình Hùng	Giám đốc
2	Lê Đăng Khoa	Phó Giám đốc

## Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Giám đốc

### Ông **PHẠM ĐÌNH HÙNG**

### Giám đốc Công ty

Xem phần lý lịch thành viên HĐQT

### Ông **LÊ ĐĂNG KHOA**

### Phó Giám đốc Công ty

Năm sinh

21/10/1967

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết

0,00% (0 cổ phần)

## Thay đổi trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Trong năm, Công ty không có sự thay đổi nào về nhân sự trong HĐQT, BKS và BGD.

## Cơ cấu nhân sự

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>297</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ đại học, trên đại học	147	49,49%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	68	22,90%
3	Khác	82	27,61%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>297</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	91	30,64%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	206	69,36%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	-	0,00%

## Chính sách đối với người lao động

Công ty thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các văn bản pháp luật của Nhà nước về chính sách đối với người lao động như: Bộ luật Lao động, luật Bảo hiểm xã hội, các văn bản hướng dẫn dưới luật có liên quan...

Chế độ tiền lương, thưởng, phúc lợi:

- » Hệ thống thang bảng lương, chế độ phụ cấp lương, chế độ xếp nâng bậc lương: Công ty áp dụng theo quy định của Nhà nước.
- » Lương được trả theo vị trí công việc, phù hợp với ngành nghề hoạt động, ngoài phần lương theo quy định Nhà nước, phần còn lại được xem như là lương sản phẩm
- » Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi: được Công ty thực hiện theo quy chế trả lương, trả thưởng. Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho các cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng dựa trên kết quả công việc của từng cá nhân và tập thể.
- » Ngoài ra, để tạo điều kiện cho CBCNV có thời gian nghỉ ngơi sau những giờ làm việc căng thẳng, hoạt động du lịch nghỉ mát thường niên cũng được Công đoàn Công ty thực hiện định kỳ và tạo mọi điều kiện cho toàn thể CBCNV tham gia. Hoạt động văn thể mỹ được đầu tư và tổ chức hợp lý. Công đoàn Công ty thường xuyên quan tâm chăm lo đời sống CBCNV, tổ chức thăm hỏi người lao động ốm đau, thai sản, trợ cấp cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn vui xuân đón tết, Xây dựng nhà tình thương cho người lao động khó khăn về nhà ở...Tóm lại, Công ty luôn chú trọng việc chăm lo cho đời sống người lao động từ vật chất đến tinh thần, vì vậy họ luôn an tâm công tác và nhiệt tình cống hiến hết sức mình vì sự phát triển bền vững của Công ty.

## Chính sách lương, thưởng, phúc lợi cho CB-CNV trong năm 2015

Công ty đã dự thảo và sẽ trình cấp thẩm quyền phê duyệt quy chế lương mới trên cơ sở cải tiến, để phù hợp hơn đối với từng vị trí công việc, khuyến khích năng suất lao động và giữ chân cũng như thu hút được người lao động có chuyên môn cao phục vụ lâu dài cho Công ty

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động như: tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho 100% người lao động.

Tiếp tục duy trì và thực hiện các chế độ lương, thưởng, phúc lợi cho người lao động.

Khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thi đua lao động sản xuất, đóng góp sáng kiến cải tiến, các giải pháp hữu ích cho Công ty.



# QUẢN TRỊ CÔNG TY





# CỔ PHẦN, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CSH

## Cổ phần

### Số lượng cổ phần phát hành

- » Cổ phần thường: 14.500.000 cổ phần
- » Cổ phần ưu đãi: Không

### Số lượng cổ phần đang lưu hành

- » Cổ phần thường: 14.500.000 cổ phần
- » Cổ phần ưu đãi: Không

Số lượng cổ phiếu quỹ: Không

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: Không

## Danh sách cổ đông lớn

STT	Cổ đông lớn	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	7.395.000	51,00%
2	ROBERT ALEXADER STONE	1.111.000	7,66%
3	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG KHANH	826.000	5,7%
<b>Tổng cộng</b>		<b>9.332.000</b>	<b>64,359%</b>

## Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 27/01/2015

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Cổ đông trong nước	384	4.797.830	33,09%
Cổ đông nước ngoài	19	7.395.000	51,00%
Cổ đông nhà nước	1	2.307.170	15,91%
<b>Tổng cộng</b>	<b>403</b>	<b>14.500.000</b>	<b>100,00%</b>
Cổ đông lớn	3	9.332.000	64,36%
Cổ đông nhỏ	400	5.168.000	35,64%
<b>Tổng cộng</b>	<b>403</b>	<b>14.500.000</b>	<b>100,00%</b>
Cổ đông tổ chức	9	8.542.015	58,91%
Cổ đông cá nhân	394	5.957.985	41,09%
<b>Tổng cộng</b>	<b>403</b>	<b>14.500.000</b>	<b>100,00%</b>

# HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: không phát sinh

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không phát sinh

Chứng khoán khác: không có

## Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Với quy mô hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

## Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tiến hành các cuộc họp thường kỳ và bất thường để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty thông suốt và đạt hiệu quả cao.

Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Giám đốc Công ty, cụ thể theo một số nội dung sau:

- » Thông qua việc kiểm soát các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, năm
- » Kiểm soát hoạt động tài chính, quản lý tài sản, nguồn vốn Công ty đảm bảo mang lại lợi ích cho cổ đông và tuân thủ Luật pháp của Nhà nước.
- » Các hoạt động đầu tư, thực hiện dự án đầu tư luôn được Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc, đôn đốc thực hiện đúng tiến độ dự án và tuân thủ Pháp luật.
- » Chỉ đạo Công ty trong việc sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tổng Công ty cổ phần Bia- Rượu- NGK Sài Gòn, đảm bảo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường theo quy định.

Để đảm bảo hoạt động của Công ty được thông suốt, kịp thời và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết liên quan đến các vấn đề quan trọng của Công ty.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1.	01/2014/NQ-HĐQT	13/01/2014	Thông nhất chốt danh sách cổ đông, chi tạm ứng cổ tức đợt 1 CTCP Bia Sài Gòn- Miền Tây theo tờ trình 257/2013/WSB ngày 31/12/2013.
2.	02/2014/NQ-HĐQT	25/01/2014	Thông nhất chủ trương thanh lý tài sản cố định tại NM Bia Sài Gòn- Cần Thơ theo tờ trình 45/2014/WSB ngày 16/01/2014.
3.	03/2014/NQ-HĐQT	25/02/2014	Thông nhất chủ trương thanh lý tài sản cố định, kèm phụ tùng thay thế tại NM Bia Sài Gòn- Cần Thơ theo tờ trình 97/2014/WSB ngày 13/02/2014.
4.	04/2014/NQ-HĐQT	26/02/2014	Đồng ý điều chỉnh giá gói thầu 07-01 “Thiết kế, thi công cải tạo, nâng công suất hệ thống XLN thải NM Bia Sài Gòn- Cần Thơ lên 1.200 m <sup>3</sup> /ngày”.
5.	05/2014/NQ-HĐQT	31/03/2014	Thông nhất chủ trương bổ nhiệm, thôi nhiệm vụ cán bộ tại CTCP Bia Sài Gòn- Miền Tây, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn- Sóc Trăng.
6.	06/2014/NQ-HĐQT	14/04/2014	Thông qua báo cáo kết quả SX-KD-ĐT năm 2013, KH 2014, định hướng công tác Thị trường, thanh lý TS-MMTB, KH Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014, các công tác khác.
7.	07/2014/NQ-HĐQT	20/05/2014	Chấp thuận chủ trương vay vốn lưu động cho Nhà máy Bia Sài Gòn- Cần Thơ, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn- Sóc Trăng.
8.	08/2014/NQ-HĐQT	11/07/2014	Thông qua báo cáo kết quả SX-KD-ĐT 06 tháng đầu năm 2014, định hướng công tác Thị trường, thanh lý TS-MMTB, các công tác khác.
9.	09/2014/NQ-HĐQT	15/08/2014	Chấp thuận chủ trương bán tài sản cố định tại NM Bia Sài Gòn- Cần Thơ.
10.	10/2014/NQ-HĐQT	16/10/2014	Phê duyệt thủ lao Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Thư ký Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn- Sóc Trăng.
11.	11/2014/NQ-HĐQT	30/12/2014	Thông qua báo cáo ước kết quả SX-KD-ĐT và điều chỉnh kế hoạch sản lượng, doanh thu 2014; chia tạm ứng cổ tức đợt 1.
12.	12/2014/NQ-HĐQT	31/12/2014	Hoàn nhận dự phòng các khoản đầu tư tài chính.

**Danh sách các thành viên thuộc Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:** không có



## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã tiến hành 03 cuộc họp với nội dung như sau:

STT	Ngày	Nội dung
1	25/3/2014	Soát xét báo cáo tài chính năm 2013 và tình hình triển thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.
2	20/8/2014	Soát xét báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2014, tình hình thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động.
3	25/12/2014	Soát xét tình hình triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quyết định của HĐQT.

- » Ngoài ra Ban kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung mà NQ ĐHĐCĐ giao cho Công ty năm 2014.
- » Tham mưu, hỗ trợ Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong các hoạt động điều hành, nhằm thực hiện hợp lý, đúng pháp luật thông qua việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định quan trọng.
- » Giám sát việc tuân thủ Pháp luật, thực hiện đầy đủ trách nhiệm nhằm bảo vệ lợi ích của Quý Cổ đông.
- » Thẩm định số liệu báo cáo tài chính các kỳ trong năm.
- » Định kỳ tiến hành kiểm soát các hoạt động của Công ty phù hợp với Điều lệ, Pháp luật quy định.



## GIAMO DỊCH, LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT, BGD VÀ BKS

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thường
<b>Hội đồng quản trị</b>				
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch	120.000.000	-	255.000.000
Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên	84.000.000	-	160.000.000
Ông Trần Công Tước	Thành viên	84.000.000	-	120.000.000
Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên	84.000.000	-	100.000.000
Ông Đỗ Văn Vê	Thành viên	84.000.000	-	100.000.000
<b>Ban kiểm soát</b>				
Ông Đồng Việt Trung	Trưởng ban	84.000.000	-	80.000.000
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên	48.000.000	-	15.000.000
Ông Lê Xuân Khởi	Thành viên	48.000.000	-	15.000.000
<b>Ban điều hành</b>				
Ông Phạm Đình Hùng	Giám Đốc	-	937.500.000	111.000.000
Ông Lê Đăng Khoa	Phó Giám Đốc	-	622.500.000	67.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>636.000.000</b>	<b>1.560.000.000</b>	<b>1.023.000.000</b>

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, thư ký Công ty, cổ đông lớn và những người có liên quan

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Mối quan hệ với CĐ nội bộ/CĐ lớn	Số cp sở hữu đầu kỳ		Số cp sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Phương Khanh	Vợ ông Nguyễn Văn Đồi – Ủy viên HĐQT	722.000	4,98%	826.000	5,70%	Mua

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có



## THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các quy định về quản trị nội bộ Công ty được cập nhật theo quy định của Pháp luật, sẽ soát xét và phê duyệt ban hành trong năm 2015. Các quy chế mang tính cấp bách như liên quan đến Luật chứng khoán, quy định về công bố thông tin theo Thông tư 52/2012/TT-BTC, quy định về quản trị Công ty áp dụng cho Công ty đại chúng theo Thông tư 121/2012/TT-BTC. Ban điều hành đã ban hành tạm thời để thực hiện, nhằm tuân thủ đúng quy định Nhà nước. Đồng thời, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan luôn được cập nhật kịp thời và chuẩn hóa nhằm đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về tuân thủ quy định và đảm bảo quyền lợi cao nhất cho các cổ đông.



Để công tác quản trị công ty được tốt hơn, Công ty sẽ triển khai các kế hoạch sau:

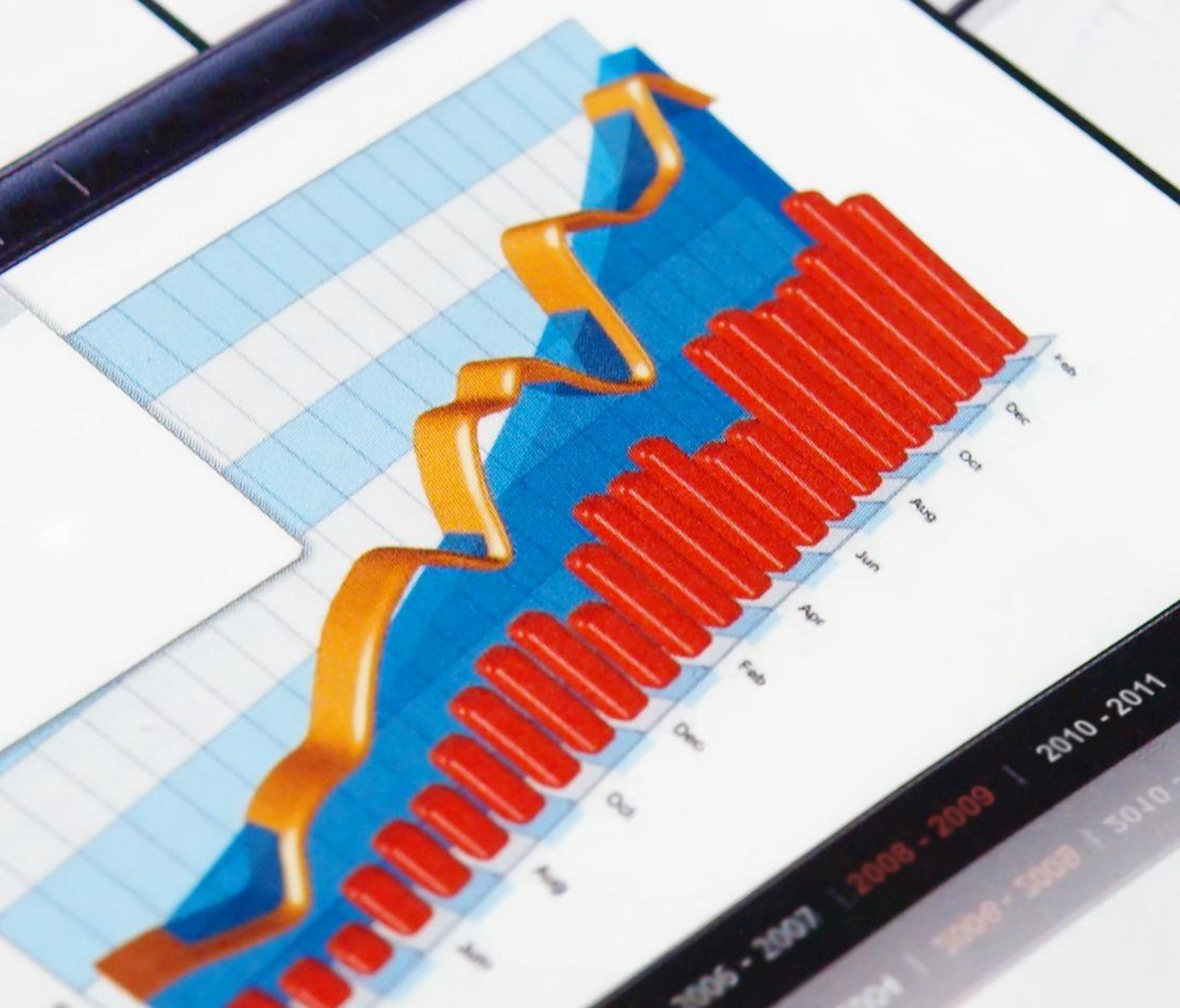
- » Tăng cường triển khai thực hiện triệt để quy chế quản trị Công ty trong nội bộ để phát huy tác dụng.
- » Đào tạo chuyên sâu cho cán bộ quản lý hiện hữu, đảm bảo hệ thống thông tin quản trị được thông suốt và sâu rộng đến toàn thể người lao động
- » Tiếp tục củng cố, tạo điều kiện học tập, nâng cao kiến thức chuyên môn lẫn năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ kế thừa, đảm bảo tính bền vững

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN



...osing funds  
... colour.  
at "My Investments"

2007 News Investment





## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2015. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 38.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đề cập ở Thuyết minh số 13 của báo cáo tài chính, Tập đoàn chưa ghi nhận khoản thuế tiêu thụ đặc biệt ("thuế TTĐB") là 24.841.512.278 Đồng phải nộp bổ sung cho năm 2013 theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước ở Thông báo số 119/TB-KTNN ngày 4 tháng 2 năm 2015. Ngoài ra, Ban Giám đốc Tập đoàn cũng ước tính nhưng chưa ghi nhận khoản thuế TTĐB bổ sung cho năm 2014 là 50.123.315.765 Đồng. Nếu Tập đoàn ghi nhận các khoản Thuế TTĐB này thì số dư thuế TTĐB phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ tăng thêm 24.841.512.278 Đồng, lợi nhuận trước thuế của năm 2013 và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ cùng giảm 24.841.512.278 Đồng. Do vậy, số dư thuế TTĐB phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ lũy kế thêm 74.964.828.043 Đồng, lợi nhuận trước thuế của năm 2014 sẽ giảm 50.123.315.765 Đồng và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm 74.964.828.043 Đồng.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Quách Thành Châu  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0875-2013-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Lưu Thanh Bình  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2135-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM4416  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2015

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2014 VND	2013 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>327.761.580.739</b>	<b>261.227.652.384</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	143.087.347.918	82.620.440.775
111	Tiền		487.347.918	3.866.741.103
112	Các khoản tương đương tiền		142.600.000.000	78.753.699.672
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		84.205.951.360	71.258.812.371
131	Phải thu khách hàng	4	72.602.460.217	45.038.956.996
132	Trả trước cho người bán	5	10.137.865.991	22.277.585.460
135	Các khoản phải thu khác	6	2.113.625.152	4.590.269.915
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(648.000.000)	(648.000.000)
140	Hàng tồn kho	7	98.113.389.482	84.466.956.689
141	Hàng tồn kho		98.113.389.482	84.466.956.689
150	Tài sản ngắn hạn khác		2.354.891.979	22.881.442.549
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		924.520.968	2.012.126.725
152	Thuế GTGT được khấu trừ		-	19.221.096.157
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		31.638.906	-
158	Tài sản ngắn hạn khác		1.398.732.105	1.648.219.667
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>874.871.814.602</b>	<b>608.687.945.350</b>
220	Tài sản cố định		798.600.596.824	525.545.628.363
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	512.131.264.501	84.199.150.869
222	Nguyên giá		682.521.716.438	236.272.976.116
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(170.390.451.937)	(152.073.825.447)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	2.817.892.064	2.899.139.240
228	Nguyên giá		3.677.163.142	3.677.163.142
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(859.271.078)	(778.023.902)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8(c)	283.651.440.259	438.447.338.454
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	55.824.508.830	52.369.273.985
252	Đầu tư vào công ty liên kết		36.569.322.030	33.514.087.185
258	Đầu tư dài hạn khác		19.255.186.800	19.255.186.800
259	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(400.000.000)
260	Tài sản dài hạn khác		20.446.708.948	30.773.043.002
261	Chi phí trả trước dài hạn	10	20.443.708.948	30.770.043.002
268	Tài sản dài hạn khác		3.000.000	3.000.000
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>1.202.633.395.341</b>	<b>869.915.597.734</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2014 VND	2013 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>785.590.580.533</b>	<b>497.312.681.585</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>432.966.251.343</b>	<b>234.042.867.857</b>
311	Vay và nợ ngắn hạn	11(a)	13.000.000.000	-
312	Phải trả người bán	12	131.086.828.410	106.609.268.449
313	Người mua trả tiền trước		-	310.000.000
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	233.702.064.317	102.272.289.286
315	Phải trả người lao động	14	7.663.666.270	9.219.646.597
316	Chi phí phải trả	15	23.627.336.727	4.610.127.647
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	15.760.104.384	11.703.524.748
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	8.226.251.235	(681.988.870)
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>352.624.329.190</b>	<b>263.269.813.728</b>
333	Phải trả dài hạn khác		266.000.000	76.000.000
334	Vay và nợ dài hạn	11(b)	352.358.329.190	263.193.813.728
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>417.042.814.808</b>	<b>372.602.916.149</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>417.042.814.808</b>	<b>372.602.916.149</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18, 19	145.000.000.000	145.000.000.000
417	Quỹ đầu tư phát triển	19	169.783.322.027	127.144.448.431
418	Quỹ dự phòng tài chính	19	14.500.000.000	14.500.000.000
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19	87.759.492.781	85.958.467.718
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.202.633.395.341</b>	<b>869.915.597.734</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Khoản tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ là 224 đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 4.771 đô la Mỹ).

  
 Dương Thị Thủy Hồng  
 Người lập

  
 Trần Thị Loan Anh  
 Kế toán trưởng

  
 Phạm Đình Hùng  
 Giám đốc  
 Ngày 27 tháng 3 năm 2015

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2014 VNĐ	2013 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.257.059.295.764	562.348.316.129
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(497.641.537.303)	(238.543.117.190)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21 759.517.758.461	323.805.198.939
11	Giá vốn hàng bán	23 (622.804.471.110)	(256.467.038.968)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	136.713.287.351	67.338.159.971
21	Doanh thu hoạt động tài chính	22 4.405.827.002	6.720.699.033
22	Chi phí tài chính	24 (20.335.002.727)	1.186.925.924
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(20.548.947.064)	(13.074.076)
24	Chi phí bán hàng	25 (3.435.136.457)	(3.910.212.253)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 (22.080.204.787)	(14.852.091.644)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	95.268.770.382	56.483.481.031
31	Thu nhập khác	4.455.923.028	1.227.859.967
32	Chi phí khác	(697.347.586)	(274.860.269)
40	Lợi nhuận khác	27 3.758.575.442	952.999.698
41	Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	9(a) 6.258.434.845	10.168.775.829
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	105.285.780.669	67.605.256.558
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	28 (8.286.536.069)	(9.027.962.848)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	96.999.244.600	58.577.293.710
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20 6.690	4.040

  
Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập

  
Trần Thị Loan Anh  
Kế toán trưởng



  
Phạm Đình Hùng  
Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2014 VND	2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận trước thuế	105.285.780.669	67.605.256.558
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	46.513.079.073	18.462.999.070
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng	(400.000.000)	(1.200.000.000)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(14.311.727.786)	(16.474.741.711)
06	Chi phí lãi vay	20.548.947.064	13.074.076
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	157.636.079.020	68.406.587.993
09	Giảm các khoản phải thu	6.342.591.835	83.298.858.087
10	Tăng hàng tồn kho	(13.646.432.793)	(51.058.042.402)
11	Tăng các khoản phải trả	176.678.807.208	86.666.716.235
12	Giảm các chi phí trả trước	13.760.151.999	8.263.770.844
13	Tiền lãi vay đã trả	(24.780.766.923)	(4.395.917.322)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(7.891.049.004)	(6.031.499.113)
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(10.819.089.044)	(15.451.202.977)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	297.280.292.298	169.699.271.345
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(325.324.031.078)	(392.714.783.478)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	7.057.237.295	728.636.364
27	Thu lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia	7.758.240.991	13.175.290.749
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(310.508.552.792)	(378.810.856.365)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	156.645.074.900	231.625.969.295
34	Chi trả nợ gốc vay	(54.480.559.438)	(27.400.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(28.469.347.825)	(20.268.538.927)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	73.695.167.637	183.957.430.368
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	60.466.907.143	(25.154.154.652)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 82.620.440.775	107.774.595.427
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 143.087.347.918	82.620.440.775

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY**

Mẫu số B 03 – DN/ HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm tài chính bao gồm:

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi trả đầu tư xây dựng cơ bản bằng vốn vay dài hạn	136.858.329.190	-
Lãi vay được vốn hóa vào giá trị tài sản dở dang	4.389.809.750	15.942.652.623
Kết chuyển lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để trích lập quỹ đầu tư phát triển	42.638.873.596	27.892.249.435
Kết chuyển lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	19.209.345.941	15.766.941.318

  
Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập

  
Trần Thị Loan Anh  
Kế toán trưởng

  
Phạm Đình Hùng  
Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây ("Công ty") được thành lập trên cơ sở hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sóc Trăng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5703000144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 13 tháng 4 năm 2005. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 6 tháng 6 năm 2006, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ đổi tên thành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây trên cơ sở hợp nhất giữa hai công ty. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh gần nhất của Công ty, lần thứ 5, ngày 16 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty và công ty con bao gồm: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát và xuất khẩu; kinh doanh địa ốc, kinh doanh nhà hàng, văn phòng, nhà kho, bãi, chế biến kinh doanh thức ăn gia súc; nuôi trồng thủy hải sản; kinh doanh vật tư nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành sản xuất bia, nước giải khát; vận tải đường bộ.

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") và quyền lợi của Công ty trong công ty con và công ty liên kết được trình bày như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Hoạt động chính	% quyền sở hữu và % quyền biểu quyết	
				2014	2013
<b>Công ty con</b>					
1	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	Lô 5, Khu Công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát	100	100
<b>Công ty liên kết</b>					
2	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu	Lô B5, Khu Công nghiệp Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát	20	20

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có 297 nhân viên (2013: 292 nhân viên).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

### 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

#### 2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### 2.3 Hợp nhất báo cáo

Công ty soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 - *Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con*.

##### **Công ty con**

Công ty con là doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

### 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 2.3 Hợp nhất báo cáo (tiếp theo)

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

#### 2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

#### 2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

### 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

#### 2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

#### 2.9 Đầu tư

##### (a) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào các công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

##### (b) Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty các công ty niêm yết và chưa niêm yết được Tập đoàn nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo phương pháp giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

#### 2.10 Tài sản cố định

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao chủ yếu như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5-38 năm
Máy móc thiết bị	5-15 năm
Phương tiện vận tải	6-10 năm
Thiết bị văn phòng	3-10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

### 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 2.10 Tài sản cố định (tiếp theo)

##### *Khấu hao (tiếp theo)*

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 49 năm phù hợp với Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25 tháng 8 năm 2004.

##### *Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 2.11 Thuê tài sản cố định

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

#### 2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

#### 2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là tiền thuê đất trả trước, chi phí trước hoạt động, công cụ, dụng cụ và bao bì đã đưa vào sử dụng.

#### 2.14 Ghi nhận doanh thu

##### (a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

##### (b) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

### 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 2.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong kỳ kế toán khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

#### 2.15 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

#### 2.16 Chia cổ tức

Cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

### 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 2.17 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mỗi quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

#### 2.18 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

#### 2.19 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu.

#### 2.20 Phương pháp trích lập các quỹ dự trữ

##### (a) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên.

##### (b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên.

##### (c) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Tiền mặt	174.596.645	160.734.536
Tiền gửi ngân hàng	312.751.273	3.706.006.587
Các khoản tương đương tiền (*)	142.600.000.000	78.753.899.672
	<u>143.087.347.918</u>	<u>82.620.440.775</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng, hưởng lãi suất là 4,5%/năm.

**4 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Bên thứ ba	105.696.762	66.210.246
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	72.496.763.455	44.972.746.750
	<u>72.602.460.217</u>	<u>45.038.956.996</u>

**5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Bên thứ ba	10.052.890.991	21.659.859.874
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	84.975.000	617.725.586
	<u>10.137.865.991</u>	<u>22.277.585.460</u>

**6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	1.601.600.000	1.751.600.000
Cho các bên liên quan mượn vật tư (Thuyết minh 31(b))	92.411.700	904.178.800
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	53.521.280	-
Lãi tiền gửi	180.037.500	179.251.489
Phải thu khác	186.054.672	1.755.239.626
	<u>2.113.625.152</u>	<u>4.590.269.915</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY

Mẫu số B 09 – DN/ HN

7 HÀNG TỒN KHO

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Hàng mua đang đi trên đường	1.590.546.831	20.100.000
Nguyên vật liệu tồn kho	43.656.284.621	47.965.388.506
Công cụ, dụng cụ trong kho	14.498.760.759	596.221.653
Chi phí SXKD dở dang	25.542.293.255	19.032.903.771
Thành phẩm tồn kho	12.825.504.016	18.852.342.759
	<u>98.113.389.482</u>	<u>84.466.956.689</u>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY

Mẫu số B 09 – DN/ HN

<b>8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>							
(a)	Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND	
	<b>Nguyên giá</b>						
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	35.703.569.720	185.538.187.121	9.207.514.512	5.823.704.763	236.272.976.116	
	Mua trong năm	5.295.078.432	1.958.918.771	-	596.850.000	7.850.847.203	
	Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 8(c))	106.779.606.744	357.443.503.372	1.683.041.399	4.016.718.367	469.922.869.882	
	Thanh lý, nhượng bán	(2.613.034.864)	(28.746.054.849)	(102.351.300)	(63.535.750)	(31.524.976.763)	
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	145.165.220.032	516.194.554.415	10.788.204.611	10.373.737.380	682.521.716.438	
	<b>Khấu hao lũy kế</b>						
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	17.349.622.545	126.042.714.110	4.861.955.212	3.819.533.580	152.073.825.447	
	Khấu hao trong năm	7.114.569.066	37.106.706.098	1.143.405.444	1.067.151.289	46.431.831.897	
	Thanh lý, nhượng bán	(2.248.507.093)	(25.700.811.264)	(102.351.300)	(63.535.750)	(28.115.205.407)	
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	22.215.684.518	137.448.608.944	5.903.009.356	4.823.149.119	170.390.451.937	
	<b>Giá trị còn lại</b>						
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	18.353.947.175	59.495.473.011	4.345.559.300	2.004.171.183	84.199.150.669	
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	122.949.535.514	378.745.945.471	4.885.195.255	5.550.588.261	512.131.264.501	

Nguyên giá tài sản cố định ("TSCĐ") tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng 16.838.126.932 đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2013: 35.519.253.577 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

**B TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình hình thành từ dự án Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng và dự án đầu tư đồng bộ nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ đạt 50 triệu lít/năm của Tập đoàn đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng của Tập đoàn (Thuyết minh 11(b)).

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2014	3.603.281.432	73.881.710	3.677.163.142
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	704.142.192	73.881.710	778.023.902
Khấu hao trong năm	81.247.176	-	81.247.176
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	785.389.368	73.881.710	859.271.078
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	2.899.139.240	-	2.899.139.240
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.817.892.064	-	2.817.892.064

**(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Số dư đầu năm	438.447.338.454	17.341.972.895
Tăng	317.473.183.875	426.269.236.173
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.346.212.188)	-
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh B(a))	(469.922.869.882)	(5.163.870.614)
Số dư cuối năm	283.651.440.259	438.447.338.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

**8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)**

Những công trình lớn:

	2014 VND	2013 VND
Dự án nâng công suất nhà nấu Cần Thơ 50 triệu lít	-	50.533.472.040
Dự án đầu tư đồng bộ nhà máy Cần Thơ 50 triệu lít	270.496.074.083	25.109.907.839
Dự án nhà máy bia Sài Gòn - Sóc Trăng	9.286.624.712	362.122.744.030
Khác	3.868.741.464	681.214.545
	<u>283.651.440.259</u>	<u>438.447.338.454</u>

Tổng chi phí lãi vay đã được vốn hóa trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 4.389.809.750 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: không có). Lãi suất được sử dụng để xác định số tiền chi phí lãi vay được vốn hóa là 7%/năm.

**9 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**(a) Đầu tư vào công ty liên kết**

	2014 VND	2013 VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	<u>36.569.322.030</u>	<u>33.514.087.185</u>

Biến động đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	33.514.087.185	27.349.311.356
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	6.258.434.845	10.168.775.829
Cổ tức được chia	(3.203.200.000)	(4.004.000.000)
Số dư cuối năm	<u>36.569.322.030</u>	<u>33.514.087.185</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(b) Đầu tư dài hạn khác

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Công ty Cổ phần Bia Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	10.100.000.000	10.100.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC	2.155.186.800	2.155.186.800
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	7.000.000.000	7.000.000.000
	<u>19.255.186.800</u>	<u>19.255.186.800</u>

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Số dư đầu năm	400.000.000	1.600.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(400.000.000)	(1.200.000.000)
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>400.000.000</u>

(\*) Đây là khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn nhập khoản dự phòng trên do không có sự giảm giá của khoản đầu tư này.

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi tiết chi phí trả trước dài hạn được trình bày như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Tiền thuê đất trả trước	12.137.701.952	10.702.756.484
Bao bì luân chuyển gồm vỏ chai, két nhựa	3.035.308.940	14.098.896.047
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.270.698.056	5.968.390.471
	<u>20.443.708.948</u>	<u>30.770.043.002</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

**10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (tiếp theo)**

Biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Số dư đầu năm	30.770.043.002	39.284.450.673
Mua mới	8.451.463.935	9.701.808.267
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 8(c))	2.346.212.188	-
Tăng khác	390.432.943	-
Chuyển từ TSCĐ	-	775.309.205
Phân bổ vào chi phí	(21.514.443.120)	(18.991.525.143)
Số dư cuối năm	<u>20.443.708.948</u>	<u>30.770.043.002</u>

**11 CÁC KHOẢN VAY**

**(a) Vay và nợ ngắn hạn**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Nợ dài hạn đến hạn trả	<u>13.000.000.000</u>	<u>-</u>

**(b) Vay và nợ dài hạn**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Vay ngân hàng	365.358.329.190	263.193.813.728
Trừ: Các khoản nợ đáo hạn trong vòng 1 năm	(13.000.000.000)	-
	<u>352.358.329.190</u>	<u>263.193.813.728</u>

Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Khoản vay số	Thời điểm giải ngân	Thời hạn thanh toán	Hạn mức cho vay VNĐ	Lãi suất /năm	2014 VNĐ	2013 VNĐ
1	Tháng 5 năm 2014	Tháng 5 năm 2020	200.000.000.000	7%	136.858.329.190	-
2	Tháng 10 năm 2012	Tháng 10 năm 2021	450.000.000.000	10%	228.500.000.000	263.193.813.728
					<u>365.358.329.190</u>	<u>263.193.813.728</u>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

### 11 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

Các khoản vay đều có thời gian ân hạn là 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Các khoản vay này được dùng để đầu tư cho dự án đầu tư đồng bộ hóa Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ và dự án Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng và có tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 8(a)).

### 12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Bên thứ ba	30.548.274.564	34.845.877.252
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	100.538.553.846	71.763.391.197
	<u>131.086.828.410</u>	<u>106.609.268.449</u>

### 13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	18.363.662.297	1.962.394.402
Thuế tiêu thụ đặc biệt (*)	209.454.064.406	94.896.039.417
Thuế TNDN hiện hành	5.702.992.644	5.307.743.976
Thuế thu nhập cá nhân	177.159.770	103.160.211
Thuế tài nguyên	4.185.200	2.951.280
	<u>233.702.064.317</u>	<u>102.272.289.286</u>

(\*) Theo Thông báo số 119/TB-KTNN ngày 4 tháng 2 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước (KTNN) về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính và các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2013, Tập đoàn phải nộp bổ sung 24.841.512.278 Đồng thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) vào ngân sách Nhà nước. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng ước tính thuế TTĐB phải nộp bổ sung cho năm 2014 là 50.123.315.785 Đồng. Theo quan điểm của Ban Giám đốc, vấn đề này có thể được xử lý theo hướng Tổng Công ty Cổ phần - Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn, công ty mẹ, sẽ hoàn trả các khoản thuế TTĐB này cho Tập đoàn. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Tập đoàn chưa nhận được quyết định chính thức từ công ty mẹ. Do vậy, Ban Giám đốc chưa ghi nhận các khoản thuế TTĐB phải nộp bổ sung này vào báo cáo tài chính.

### 14 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư thể hiện khoản tiền lương tháng 12, lương tháng 13, tiền bổ sung lương và các khoản tiền phải trả cho người lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16.713.573.200	-
Chi phí lãi vay	4.628.432.979	4.470.443.088
Chi phí vận chuyển	742.563.000	-
Chi phí hỗ trợ kinh phí thị trường	593.646.400	-
Chi phí sử dụng vỏ chai	74.250.000	-
Khác	874.871.148	139.684.559
	<u>23.627.336.727</u>	<u>4.610.127.647</u>

16 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Cổ tức phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	11.000.000.000	7.395.000.000
Cổ tức phải trả cho cổ đông khác	3.820.602.073	3.421.595.073
Kinh phí công đoàn	20.147.790	30.088.428
Bảo hiểm y tế, xã hội, thất nghiệp	25.338.900	30.610.655
Các khoản phải trả, phải nộp khác	894.015.621	826.230.592
	<u>15.760.104.384</u>	<u>11.703.524.748</u>

17 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Số dư đầu năm	(681.988.870)	(1.954.706.816)
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 19)	19.209.345.941	15.766.941.318
Tặng khác	517.983.208	353.200.000
Chi trả trong năm	(10.819.089.044)	(14.847.423.572)
Số dư cuối năm (*)	<u>8.226.251.235</u>	<u>(681.988.870)</u>

(\*) Quỹ khen thưởng phúc lợi có thể được chi trước cho nhân viên trong năm dựa trên tình hình hoạt động thực tế và theo quy chế lương và thưởng của Tập đoàn. Quỹ khen thưởng và phúc lợi của năm trước được phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên được tổ chức vào đầu năm sau. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, quỹ khen thưởng và phúc lợi chưa được phê duyệt và trích lập dẫn đến số dư của quỹ bị âm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY

Mẫu số B 09 – DN/ HN

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2014 Cổ phiếu phổ thông	2013 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký và đang lưu hành	14.500.000	14.500.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2014		2013	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	7.395.000	51	7.395.000	51
Vốn góp của các đối tượng khác	7.105.000	49	7.105.000	49
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.500.000	100	14.500.000	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu thường VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2014	14.500.000	145.000.000.000	145.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY

Mẫu số B 09 – DN/ HN

## 19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	145.000.000.000	99.252.198.996	14.500.000.000	85.540.364.761	344.292.563.757
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	58.577.293.710	58.577.293.710
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	27.892.249.435	-	(27.892.249.435)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(15.766.941.318)	(15.766.941.318)
Chia cổ tức	-	-	-	(14.500.000.000)	(14.500.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	145.000.000.000	127.144.448.431	14.500.000.000	85.958.467.718	372.602.916.149
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	96.999.244.600	96.999.244.600
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (a)	-	42.638.873.596	-	(42.638.873.596)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(19.209.345.941)	(19.209.345.941)
Chia cổ tức (b)	-	-	-	(33.350.000.000)	(33.350.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	145.000.000.000	169.783.322.027	14.500.000.000	87.759.492.781	417.042.814.808

(a) Quỹ đầu tư phát triển bao gồm 16.863.388.045 đồng trích lập cho năm 2013 và 25.775.485.551 đồng để xuất cho năm 2014 theo Nghị Quyết số 01/2014/NQ-ĐHCB của ngày 24 tháng 4 năm 2014.

(b) Căn cứ theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHCB của ngày 24 tháng 4 năm 2014, Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên đã thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền mặt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 23% mệnh giá (tương đương với 33.350.000.000 Đồng). Công ty đã thông báo chi quyết toán cổ tức bằng tiền mặt trong năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

**20 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	96.999.244.600	58.577.293.710
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	14.500.000	14.500.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>6.690</u>	<u>4.040</u>

**21 DOANH THU**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng	1.246.782.350.310	552.751.832.190
Doanh thu cung cấp dịch vụ	617.279.158	645.983.237
Doanh thu khác	9.659.686.296	8.950.500.702
	<u>1.257.059.295.764</u>	<u>562.348.316.129</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(497.541.537.303)	(238.543.117.190)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>759.517.758.461</u>	<u>323.805.198.939</u>

**22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Lãi tiền gửi	2.767.309.002	5.096.062.033
Cổ tức và lợi nhuận được chia từ bên liên quan (Thuyết minh 31(a))	1.595.000.000	1.379.903.200
Cổ tức và lợi nhuận được chia từ bên thứ ba	43.518.000	244.733.800
	<u>4.405.827.002</u>	<u>6.720.699.033</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

**23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	622.804.471.110	256.467.038.968

**24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	20.548.947.064	13.074.076
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	146.055.663	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(400.000.000)	(1.200.000.000)
Khác	40.000.000	-
	<u>20.335.002.727</u>	<u>(1.186.925.924)</u>

**25 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí hỗ trợ kinh phí thị trường (*)	3.369.833.718	3.856.000.000
Chi phí khác	65.302.739	54.212.253
	<u>3.435.136.457</u>	<u>3.910.212.253</u>

(\*) Trong năm tài chính 2013, đây là chi phí hoạt động thị trường phải trả cho Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn, công ty mẹ, về việc triển khai thực hiện kinh phí hoạt động thị trường trong năm 2013 (Thuyết minh 31(a)).

Trong năm 2014, Tập đoàn tự thực hiện các chương trình quảng cáo, khuyến mãi dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn của công ty mẹ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nhân viên	11.457.027.561	9.035.049.427
Chi phí công tác, giao tế và họp hội	1.866.874.318	1.913.143.306
Khấu hao tài sản cố định	1.566.839.268	1.300.283.205
Chi phí vật liệu	781.966.733	240.938.585
Chi phí kiểm toán và tư vấn	228.500.000	218.313.818
Chi phí vận chuyển và bảo hiểm xe	293.973.555	354.499.328
Khác	5.885.023.352	1.789.863.975
	<u>22.080.204.787</u>	<u>14.852.091.644</u>

27 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2014 VND	2013 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	3.647.465.939	313.903.213
Thu nhập khác	808.457.089	913.956.754
	<u>4.455.923.028</u>	<u>1.227.859.967</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	(697.347.586)	(274.860.269)
Lợi nhuận khác	<u>3.758.575.442</u>	<u>952.999.698</u>

28 THUẾ

*Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn Miền Tây*

Công ty được hưởng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp ưu đãi theo theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5703000144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Cần Thơ cấp ngày 13 tháng 4 năm 2005 và Công văn số 9024/BTC-CST ngày 18 tháng 7 năm 2005 như sau:

(a) Đối với hoạt động sản xuất chính:

Tại nhà máy bia Sài Gòn – Cần Thơ: Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động (2005 – 2016), được miễn 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2005 – 2007) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo (2008 – 2014).

Tại nhà máy bia Sài Gòn – Sóc Trăng: Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 20% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động (2005 – 2016), được miễn 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2005 – 2006) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo (2007 – 2013).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

28 THUẾ (tiếp theo)

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây (tiếp theo)**

(b) Đối với hoạt động dịch vụ trong khu công nghiệp:

Công ty được hưởng mức thuế suất 20% trong 10 năm kể từ khi hoạt động (2005 - 2014), được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2005 – 2006) và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo (2007 – 2013).

**Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng**

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2013, công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2014), giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất hiện hành được thể hiện như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	105.285.780.669	67.605.256.558
Thuế tính ở thuế suất 10%	4.712.661.208	-
Thuế tính ở thuế suất 15%	2.493.279.050	3.157.543.819
Thuế tính ở thuế suất 20%	5.740.496.916	5.456.239.243
Thuế tính ở thuế suất 22%	2.151.509.542	-
Thuế tính ở thuế suất 25%	-	4.818.442.054
Điều chỉnh:		
Giảm trừ 50% của thuế tính ở thuế suất 15%	(1.301.151.007)	(1.578.771.910)
Thu nhập không chịu thuế	(1.065.177.960)	(2.948.353.207)
Chi phí không được khấu trừ	999.029.168	122.862.849
Ưu đãi thuế	(5.444.110.848)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>8.286.536.069</u>	<u>9.027.962.848</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	<u>8.286.536.069</u>	<u>9.027.962.848</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

### 29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	507.131.254.291	199.900.898.023
Chi phí nhân công	51.970.875.064	36.950.939.190
Chi phí khấu hao TSCĐ	46.513.079.073	18.462.999.070
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.854.778.302	21.353.364.855
Các chi phí khác bằng tiền	17.138.168.720	12.411.918.500
	<u>650.608.155.450</u>	<u>289.080.119.638</u>

### 30 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Tập đoàn có thể chịu một số rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

#### (a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

##### (i) Rủi ro tiền tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có số dư tiền gửi ngân hàng bằng đồng đô la Mỹ để thanh toán cho các giao dịch mua hàng từ nước ngoài. Tuy nhiên, số dư này không đáng kể nên rủi ro về tiền tệ của Tập đoàn là không trọng yếu.

##### (ii) Rủi ro giá

Trong năm, Tập đoàn không chịu rủi ro về giá do Tập đoàn không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào. Tập đoàn cũng không chịu rủi ro trọng yếu về giá của hàng hóa.

##### (iii) Rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất đáng kể đối với các khoản vay đang sử dụng để đầu tư hình thành tài sản cố định. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nếu lãi suất Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì giá trị vốn hóa chi phí lãi vay vào dự án đầu tư đồng bộ nhà máy bia Sài Gòn – Cần Thơ sẽ cao/thấp hơn 2.454.776.861 Đồng do chi phí lãi của các khoản vay này cao/thấp hơn.

Tập đoàn cũng chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản vay khác của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nếu lãi suất Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế sẽ thấp/cao hơn 2.374.676.664 Đồng do chi phí lãi của các khoản vay này cao/thấp hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

30 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng của Tập đoàn là thấp vì trong kỳ Tập đoàn chủ yếu giao dịch bán hàng với Công ty TNHH Một Thành viên Thương Mại Bia Sài Gòn, giao dịch mua hàng với Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn, là các bên liên quan của Tập đoàn.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi- phải- sinh vào các nhóm đảo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Từ 2 năm trở lên VNĐ
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	146.846.932.794	266.000.000	-
Chi phí phải trả	23.627.336.727	-	-
Các khoản vay	13.000.000.000	60.412.962.042	291.945.367.148
	<u>183.474.269.521</u>	<u>60.678.962.042</u>	<u>291.945.367.148</u>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>			
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	118.312.793.197	76.000.000	-
Chi phí phải trả	4.610.127.647	-	-
Các khoản vay	-	-	263.193.813.728
	<u>122.922.920.844</u>	<u>76.000.000</u>	<u>263.193.813.728</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

31 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ Phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn do chiếm 51% vốn cổ phần của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2014 VND	2013 VND
<b><i>i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT)</i></b>		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.371.316.789.161	640.201.123.705
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	605.895.642	-
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	200.369.353	904.178.800
Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam	119.681.100	-
Công ty Cổ Phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	56.474.090	-
Công ty Cổ Phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	25.606.000	-
	<u>1.372.324.815.346</u>	<u>641.105.302.505</u>
<b><i>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT)</i></b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	437.947.732.871	169.866.360.097
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	19.025.782.014	1.913.099.414
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ Khí Sabeco	2.695.342.000	-
Công ty Cổ Phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	667.500.620	-
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	509.850.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	466.768.500	-
Công ty Cổ Phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	176.752.917	-
	<u>461.489.728.922</u>	<u>171.779.459.511</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

31	GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)	2014 VNĐ	2013 VNĐ
(a)	Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)		
	<i>iii) Bán tài sản cố định</i>		
	Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	2.905.000.000	-
	<i>iv) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
	Lương và các quyền lợi gộp khác	2.287.369.802	2.327.146.551
	<i>v) Chi phí sử dụng thương hiệu (Thuyết minh 25)</i>		
	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	-	3.856.000.000
	<i>vi) Hoạt động tài chính</i>		
	Cổ tức được chia từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	80.000.000	369.903.200
	Cổ tức được chia từ công ty liên quan khác	1.515.000.000	1.010.000.000
	Cổ tức trả cho Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	17.008.500.000	7.395.000.000
	<i>vii) Các giao dịch khác</i>		
	Cho Công ty Cổ Phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô mượn vật tư	2.495.490.228	-
	Cho công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long mượn vật tư	20.523.866	904.178.800
	Mượn vật tư từ Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	78.298.784	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

31 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2014 VND	2013 VND
<b>Phải thu khách hàng (Thuyết minh 4)</b>		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	72.432.700.375	44.895.596.680
Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam	32.748.650	-
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	17.751.454	77.150.070
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	7.247.326	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Bia Sài Gòn	6.315.650	-
	<u>72.496.763.455</u>	<u>44.972.746.750</u>
<b>Trả trước cho người bán (Thuyết minh 5)</b>		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	22.900.586
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	84.975.000	594.825.000
	<u>84.975.000</u>	<u>617.725.586</u>
<b>Các khoản phải thu khác (Thuyết minh 6)</b>		
<i>Cổ tức và lợi nhuận được chia</i>		
Tổng Công ty Cổ Phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	-	150.000.000
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	1.601.600.000	1.601.600.000
<i>Phải thu từ cho các bên liên quan mượn vật tư</i>		
Công ty Cổ Phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	72.081.126	-
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	20.330.574	904.178.800
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Cổ Phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	53.521.280	-
	<u>1.747.532.980</u>	<u>2.655.778.800</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

31 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2014 VND	2013 VND
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh 12)</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	100.071.785.346	71.522.043.954
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	466.768.500	241.347.243
	<u>100.538.553.846</u>	<u>71.763.391.197</u>
<b>Các khoản phải trả khác (Thuyết minh 16)</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	11.000.000.000	7.395.000.000
	<u>11.000.000.000</u>	<u>7.395.000.000</u>

32 BẢO CÁO BỘ PHẬN

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tập đoàn là sản xuất và phân phối bia, do đó Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Tập đoàn chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

33 CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuế hoạt động không hủy ngang, Tập đoàn phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2014 VND	2013 VND
Dưới 1 năm	358.669.400	358.669.400
Từ 1 đến 5 năm	1.434.677.600	1.434.677.600
Trên 5 năm	15.422.758.400	15.781.453.600
	<u>17.216.105.400</u>	<u>17.574.800.600</u>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

### 34 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	2014 VND	2013 VND
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	70.332.886.136	203.603.935.628

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 27 tháng 3 năm 2015.

  
Dương Thị Thủy Hồng  
Người lập

  
Trần Thị Loan Anh  
Kế toán trưởng

  
Phạm Đình Hùng  
Giám đốc

Toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ năm 2014 và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2014 được đăng tải tại chuyên mục Quan hệ Cổ đông trên website của công ty

<http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html>



Tp. Cần Thơ, Ngày 15. tháng 4. năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Phạm Linh Hùng